

Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương Lược Giảng

(Nguyên tác: Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương

Thân Văn Ký)



Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Đệ tử Lưu Thừa Phù bút ký

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

Nguồn: <http://www.niemphat.net>

Chuyển sang ebook 17-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Chỉnh sửa bởi: <http://ph.tinhtong.vn>

Mục Lục

Lời Giới Thiệu

I. Giải thích đề mục kinh

1. Đại
2. Phật Đảnh
3. Như Lai Mật Nhân
4. Tu Chứng Liễu Nghĩa
5. Chư Bồ Tát Vạn Hạnh
6. Thủ Lăng Nghiêm
7. Kinh (lược đi không giảng)

II. Giải thích đề mục chương Viên Thông

Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương

III. Giải Thích Kinh Văn

Lời Giới Thiệu

Ngày 19 tháng 10 năm 1992, pháp sư Tịnh Không giảng Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương tại học viện Đức An Tác (De Anza College) ở Gia Châu (California) hơn một tuần, nhờ pháp sư bảo cư sĩ Trương Đức Thanh gửi cho băng thâu âm lời giảng kinh gồm tám cuốn, chúng tôi mở lên kính nghe, trích lấy những điểm trọng yếu chép lại, dâng lên các đồng tu khảo duyệt.

Chư vị đồng tu!

Lần giảng kinh này, tôi chọn lấy một đoạn kinh văn trọng yếu nhất của kinh Lăng Nghiêm là chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông. Cổ đức nói: “*Khai huệ: Lăng Nghiêm, thành Phật: Pháp Hoa*”. Trong các kinh luận Đại Thừa, thường nói Nhất Xiển Đề chẳng thể thành Phật, Nhất Xiển Đề là kẻ đoạn mất thiện căn. Đến khi giảng kinh Pháp Hoa, Phật lại nói Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật, tức là nói ai nấy đều có thể thành Phật. Đây mới là giảng Phật pháp đến mức viên mãn rốt ráo, bởi thế nói “*thành Phật: Pháp Hoa*”.

Nói chung, kinh điển Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đều do các cao tăng đại đức hoặc cư sĩ Ấn Độ đến Trung Quốc truyền giáo mang theo, ngoài ra còn có những kinh do các học trò Trung Quốc qua Ấn Độ tham học, khi trở về nước mang theo. Những lưu học sinh ấy khi ở Ấn Độ đều chẳng được thấy kinh Lăng Nghiêm là do các vương triều nắm quyền thời ấy coi kinh này là quốc bảo, chẳng cho phép truyền ra ngoại quốc.

Thời Đường, có vị cao tăng người Ấn Độ là pháp sư Bát Lạt Mật Đế, từng trước sau hai lượt lên thuyền kinh này ra ngoại quốc, đều bị quan xét ải xét thấy, ngăn cản. Cuối cùng, Ngài chép kinh này lên một loại lụa rất mỏng, xẻ bấp tay nhét vào, trông giống như một vết thương nặng, lên thuyền qua Trung Quốc. Sau khi phiên dịch xong kinh này tại Trung Quốc, Ngài bèn trở về Ấn Độ tiếp nhận pháp luật quốc gia xét xử. Quá trình vận chuyển kinh gian nan như thế đấy.

Cuối đời Tùy, đầu đời Đường, bậc đại đức của tông Thiên Thai là Trí Giả đại sư, căn cứ vào kinh nghĩa của kinh Pháp Hoa phát huy học thuyết Tam Chỉ Tam Quán. Đương thời, có một vị cao tăng Ấn Độ nói: “*Tam Chỉ Tam Quán rất giống với giáo nghĩa kinh Lăng Nghiêm*”. Trí Giả đại sư nghe vậy, rất mong kinh Lăng Nghiêm sớm có ngày được truyền đến Trung Quốc. Do đó, Ngài bèn xây một đài lạy kinh ở núi Thiên Thai, ngày ngày hướng về Tây lễ bái cầu cảm ứng. Lạy suốt mười tám năm cho đến ngày lão nhân gia viên tịch.

Nơi phiên dịch kinh này là Quảng Châu, người tham gia phiên dịch không đồng. Tề tướng đương triều Võ Tắc Thiên là Phòng Dung, nhân phạm lỗi bị biếm ra Quảng Châu làm quan địa phương, khéo sao, nhân cơ duyên ấy được tham dự công tác dịch kinh, đảm trách nhiệm vụ bút lục. Ông rất giỏi văn chương. Nếu dùng con mắt văn học để nhận định thì văn tự kinh Lăng Nghiêm ưu mỹ nhất trong các kinh Phật.

Lúc đức Thế Tôn giảng kinh này, nói ra năm thứ đề mục kinh, các đề mục ấy như sau:

1. Đại Phật Đảnh Tắt Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Bảo Ân Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn.

2. Cứu Hộ Thân Nhân Độ Thoát A Nan Cập Thử Hội Trung Tánh Tỳ Kheo Ni Đắc Bồ Đề Tâm Nhập Biến Tri Hải.

3. Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa.

4. Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Thập Phương Phật Mẫu Đà Ra Ni Chú.

5. Quán Đảnh Chương Cú Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

Các đại đức dịch kinh lấy 19 chữ trong các đề mục trên ghép thành “**Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm**”, đặt làm đề mục bản dịch tiếng Hán kinh này. Bây giờ, chúng tôi chia ra thành bảy đoạn để giới thiệu:

I. Giải thích đề mục kinh

1. Đại

Đại là từ ngữ khen ngợi. Chữ Đại này có nghĩa là vô hạn, chẳng phải là tương đối. Đại tức là tâm chúng sanh; tâm dung nhiếp hết cả pháp thế gian và xuất thế gian nên gọi là Đại. Chữ Tâm rất khó giải thích, nhà Phật nói chân tâm và vọng tâm là một, chẳng phải là hai tâm. Giác là chân tâm, mê là vọng tâm. Vọng tâm chỉ phát khởi tác dụng cục bộ. Chúng sanh trong chín pháp giới trình độ mê ngộ bất đồng, mê thật nặng là chúng sanh trong địa ngục, mê rất nhẹ là Bồ Tát. Chữ “*thế gian*” chỉ lục phàm (1), chữ “*xuất thế gian*” chỉ tứ thánh (2). Mười pháp giới toàn là do tâm biến hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói:

Ứng quán pháp giới tánh,

Nhất thiết duy tâm tạo.

(Nên quán tánh pháp giới,

Hết thấy do tâm tạo)

Chữ “*tánh*” ấy chỉ bản thể. Tâm là thể, mười pháp giới là hiện tượng. Sau khi giác ngộ, tâm ấy ắt thanh tịnh, bình đẳng, tuyệt không nhân ngã thị phi. Hết thấy vạn pháp đều lưu lộ từ tâm tánh, kinh Hoa Nghiêm gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Các kinh điển khác, có kinh gọi là Thật Tướng, Phật Tánh, Viên Giác, Chân Như, kinh này gọi là Như Lai Tạng, những danh từ ấy đều chỉ Nhất Tâm. Phật nói nhiều danh từ như thế là nhằm dụng ý dạy chúng ta đừng chấp trước. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói: “*Lìa ngôn thuyết tướng, lìa danh tự tướng, lìa tâm duyên tướng*”. Tâm duyên tướng chính là chấp trước.

Mười phương vô tận, không gian lớn vô hạn, tam tế vô cùng. Tam tế (ba bờ mé) chính là thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Không gian và thời gian chính là bản thể của mười pháp giới; bản thể là cái tâm của chúng ta lớn vô hạn. Nguyên lai của mười pháp giới và chân tướng của vũ trụ nhân sanh, các khoa học gia, triết gia, các nhà tôn giáo hiện đại nghiên cứu tìm tòi, không tìm được kết luận. Vấn đề này chỉ có mình kinh Lăng Nghiêm là nói rất rõ ràng, giảng thấu triệt thực tại.

Kinh Lăng Nghiêm chỉ có sáu bảy vạn chữ, có độ sâu tương đương. Ngôn ngữ có hạn độ, nói chẳng rõ ràng, diễn đạt chẳng hết được. Phạm vi tư duy tuy rộng, vẫn không cách nào đạt đến mức rốt ráo được. Phải tách rời ngôn ngữ, tư duy mới hòng lãnh ngộ, nhưng cũng không thể nói ra được. Kinh Lăng Nghiêm có thể dẫn dắt quý vị nhập cảnh giới ấy, đạt đến trình độ tự chứng. Công phu tu đến mức thành công đó gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. Sau khi đạt đến mức độ này, hết thấy vũ trụ, nhân sanh, hết thấy muôn pháp, nhân trước quả sau, tìm long tróc mạch (3), quý vị đều hiểu rõ ràng hết, bởi thế nói “*khai trí huệ là kinh Lăng Nghiêm*”.

Phần mở đầu kinh Lăng Nghiêm có một đoạn kinh văn dài gọi là “bảy chỗ chỉ tâm” – đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan “tâm ông ở đâu?” A Nan rất thông minh, Ngài cũng đáp bảy chỗ, nhưng đều bị Phật bác hết, Ngài mới thừa nhận mình mê hoặc, điên đảo, đức Phật bèn dựa trên sáu căn chỉ ra tác dụng của bản thể. Còn mê gọi là “*Như Lai Tạng*”, giác rồi gọi là “*Tu Chứng Liễu Nghĩa*”, Liễu là hiểu rõ. Pháp môn Niệm Phật là pháp liễu nghĩa bậc nhất trong các pháp liễu nghĩa.

Để giảng về Lăng Nghiêm Đại Định, trong kinh nêu lên hai mươi lăm vị Bồ Tát làm đại biểu, mỗi vị đều đã chứng đắc minh tâm kiến tánh. Hai mươi lăm phương pháp ấy là hai mươi lăm pháp tổng quát, triển khai ra sẽ thành tám vạn bốn ngàn pháp môn. Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu cho việc tu Lăng Nghiêm Đại

Định bằng phương pháp Niệm Phật, trong hai mươi lăm pháp môn được gọi là thù thắng bậc nhất, sau khi tu học viên mãn gọi là Thủ Lăng Nghiêm Vương.

Trong Phật pháp, tuyệt đối chẳng có gì gọi là bí mật cả! Bí mật chẳng phải là việc tốt, nói chung là chuyện con người không thấy được. Nhà Phật nói “*mật*” nghĩa là “*thâm mật*” (sâu kín), phải có trí huệ viên mãn cao độ mới hiểu rõ được. Một câu danh hiệu A Di Đà Phật chính là mật nhân (cái nhân sâu kín), y theo phương pháp này tu hành đạt được Niệm Phật Tam Muội, chứng đắc Sự Nhất Tâm Bất Loạn thì quý vị mới lý giải được chút phần; chứng đắc Lý Nhất Tâm Bất Loạn, quý vị mới có thể hiểu rõ phần lớn, nhưng vẫn chưa hiểu triệt để, đợi đến khi thành Phật mới có thể hiểu rõ triệt để.

Trong hai mươi lăm pháp môn ấy, chỉ có mỗi một pháp môn thích hợp nhất cho việc tu học của chúng ta; các pháp môn khác tuy hay, nhưng điều kiện quá cao, chúng ta tu học theo chẳng thể thành tựu ngay trong một đời này. Pháp môn Niệm Phật thích hợp nhất cho chúng sanh trong thời đại này: trí cạn phước mỏng, chướng ngại lại nhiều. Nhưng chỉ tu chết nơi Phật hiệu không thôi thì vẫn chưa đúng, phải lấy Phật hiệu làm chánh tu, và cũng cần phải có trợ tu, chẳng hạn như tu ba thứ phước như trong phần giảng về ba bậc chín phẩm của Quán Kinh đã dạy, và mười nguyện Phổ Hiền. Niệm Phật chẳng thể không hiểu thuận đối với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, chẳng thể không có tâm từ bi, chẳng thể không tu Thập Thiện. Lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới làm mục tiêu chung, gọi là “*đại hạnh*”.

Cái Định mà Như Lai đã đạt được khi chứng quả gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. “*Mật nhân*” là Lý, “*Liễu Nghĩa*” là Giáo, “*Vạn Hạnh*” là Hạnh, “*Lăng Nghiêm*” là Quả. Bốn thứ Giáo - Lý - Hạnh - Quả đều được bao gồm trong đề mục kinh này.

2. Phật Đảnh

Phật Đảnh là tỷ dụ, biểu thị pháp môn này thù thắng vi diệu. Đảnh đầu Phật khác với đảnh đầu người thường. Đảnh đầu Phật có một u thịt màu hồng nhô lên, có thể phóng quang, không ai thấy được, bởi thế gọi là “*vô kiến đảnh tướng*”, đó là một trong ba mươi hai tướng hảo. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa như toàn thân đức Phật, kinh Lăng Nghiêm như đảnh đầu đức Phật, cho thấy kinh này viên đốn tôn diệu, là thù thắng nhất trong tất cả kinh pháp. Y theo pháp này tu hành chính là con đường thẳng hướng đến Phật.

3. Như Lai Mật Nhân

Chữ “*Như Lai mật nhân*” chỉ chánh nhân Phật tánh, như kinh Niết Bàn dạy: “*Chánh nhân Phật tánh là Chân Như trung, chánh, lìa hết thấy tà vạy, sai trái. Ý theo đó sẽ thành tựu quả đức Pháp Thân*”. Đây là nói về bản tánh, ai cũng vốn có sẵn, ai nấy đều đầy đủ, chỉ có điều: Phàm phu mê hoặc nên chẳng tự biết. Kinh Lăng Nghiêm chỉ ra căn bản (căn bản đúng đắn) trong hai thứ căn bản. Hai thứ căn bản: Nơi phàm phu là sanh tử căn bản, do mê nên hiển hiện thành sanh tử luân hồi; nơi Phật Bồ Tát, nó trở thành Bồ Đề Niết Bàn căn bản.

Sáu căn của chúng ta đều chẳng rời ngoài nó; núi, sông, đại địa và hết thấy chúng sanh đều là nó. Những lời này nghe ra chẳng dễ hiểu được, núi sông, đại địa, nhân vật bên ngoài liên quan chi đến ta? Khi quý vị ở trong mộng cảnh, núi, sông, đại địa, người, vật từ đó mà ra. Mộng là do tâm hiện, toàn thể cái tâm biến thành mộng cảnh, chẳng phải là có vật gì từ bên ngoài vào trong mộng cả. Năng biến (chủ thể thực hiện động tác biến hiện) là tâm, sở biến (cái được biến hiện ra) là tướng hư vọng. Lúc mộng bèn có núi, sông, đại địa; lúc tỉnh, hết thấy đều chẳng có. Hết thấy tướng trạng của cảnh giới được biến hiện bởi chân tâm tựa hồ chỉ tồn tại trong một khoảnh khắc, nhưng do chúng có tướng “tương tục” (tiếp nối) nên quý vị chẳng nhận biết hiện tượng sanh diệt trong từng sát-na.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy A Nan hạ thủ công phu ngay trên sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sau khi đốn ngộ mới biết sáu căn chính là nơi để chân tâm bản tánh phát khởi tác dụng, nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi mũi gọi là ngửi, nơi lưỡi gọi là nếm, nơi thân gọi là đụng chạm, nơi ý gọi là biết. Thấy, nghe, hay, biết là tác dụng của chân tâm. Lúc mê vẫn khởi tác dụng, chẳng qua người ngộ rồi sẽ khởi tác dụng vĩnh viễn chẳng mê.

Nơi người mê, niệm thứ nhất là chân tâm; ví như sau cái thấy đầu tiên của mắt, trong ý niệm thứ hai bèn khởi phân biệt xen tạp xấu, tốt, thiện, ác. Đó là mê. Lìa khỏi hết thấy vọng tưởng, chấp trước, thấy nghe vẫn rõ ràng tường tận, nhưng sắc được thấy, tiếng được nghe chẳng còn phân biệt, chấp trước, chẳng khởi tâm động niệm, tức là hoàn toàn giống hệt như Phật, Bồ Tát. Lúc Phật còn tại thế, có ai hướng về Phật thưa hỏi những vấn đề họ nghĩ không ra, Phật liền lập tức đáp ứng, không phải suy nghĩ chút nào. Đó gọi là “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã không biết, nhưng không gì chẳng biết). “*Vô tri*” là Căn Bản Trí, “*vô sở bất tri*” là Hậu Đắc Trí. Dùng vọng tưởng, chấp trước để nghiên cứu kinh Phật là biến Phật pháp thành thế gian pháp, vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ được!

Chánh nhân là bản tánh, liễu nhân là trí huệ chân thật; chân trí hoàn toàn phù hợp với chân tướng sự thật, trọn không mảy may nào sai lệch, thì mới gọi là “*thật chứng*”. Nếu như do suy lý mà lãnh hội thì chẳng thể tin cậy được. Người ta thường cho rằng tu Thiền, tu Mật không thể không đọc kinh Lăng Nghiêm; thật ra, người tu Tịnh Độ lại càng không thể không đọc Lăng Nghiêm.

Ước chừng vào năm Dân Quốc năm mươi một (1962), tôi trụ tại chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, có một ngày, có mấy sinh viên đại học Đài Loan, cùng với một giáo sư (người Nhật Bản, giáo sư thỉnh giảng của đại học Đài Loan) đến tìm tôi đàm luận Phật pháp. Vị giáo sư đó hỏi tôi thường ngày tu pháp môn nào, tôi nói thường ngày tôi tu pháp môn Niệm Phật, chủ tu là kinh Lăng Nghiêm. Ông ta bèn hạ một câu: “Kinh Lăng Nghiêm có quan hệ chi với Tịnh Độ?” Ông ta tỏ thái độ hơi ngạo mạn, tôi vừa nghe liền biết ông ta chưa thông. Tôi hỏi ngược lại một câu: “Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát có quan hệ chi với Tịnh Độ?” Hỏi vậy, ông ta không đáp được câu nào, khá là lúng túng. Hai vị Bồ Tát ấy thuộc vào Tây Phương Tam Thánh, phần kinh văn tối trọng yếu trong kinh Lăng Nghiêm là chương Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông và chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông.

Kinh Lăng Nghiêm có mối quan hệ mật thiết với tất cả Phật pháp Đại Thừa, bất cứ tông phái nào cũng không thể không đọc kinh Lăng Nghiêm. Văn Thù Bồ Tát chọn lấy pháp Nhĩ Căn Viên Thông là minh tuyền (chọn rõ ràng), kỳ thật, Ngài ám tuyền (tuyền ngầm) pháp Niệm Phật.

Hai mươi lăm pháp Viên Thông được trình bày theo thứ tự thuận, những pháp không được tuyền được xếp theo thứ tự thuận; những pháp được tuyền xếp ra sau cùng. Giống như ca kịch, vở nào hay nhất xếp ra sau cùng làm vở hạ màn. Trong hai mươi lăm pháp Viên Thông, có đến hai pháp được xếp vào sau chót, chẳng phải là một pháp. Nhĩ Căn đáng lẽ phải xếp thành pháp thứ nhì, lại xếp ra sau cùng. Trong Thất Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức, pháp môn Niệm Phật của ngài Đại Thế Chí là Kiến Căn Đại. Lẽ ra, Ngài phải được xếp trước ngài Di Lặc, nhưng hiện tại, Ngài được xếp vào hạng mục hai mươi bốn, đứng sau ngài Di Lặc.

Ngài Văn Thù chọn pháp Niệm Phật vì nó khế hợp với căn cơ chúng sanh trong pháp giới, chọn pháp Nhĩ Căn Viên Thông của ngài Quán Âm vì nó khế hợp căn cơ của chúng sanh trong thế giới Sa Bà này. Tôi ở Đài Trung theo thầy Lý mười năm, chủ tu Lăng Nghiêm. Đối với pháp Niệm Phật, tôi tin tưởng sâu xa, chẳng nghi là do nhờ kinh Lăng Nghiêm nên mới hoàn toàn liễu giải.

4. Tu Chứng Liễu Nghĩa

“Do tín khởi quán” gọi là “tu”, lấy quán hạnh làm Tu, chẳng phải là lấy việc trải đủ mọi sự làm Tu. Lấy giải ngộ làm Chứng, chứ chẳng phải trải qua các địa vị để thủ chứng. Nhà Thiền gọi Quán là “quán chiếu”, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài nhưng chẳng mê thì gọi là “quán chiếu”; chẳng khởi tâm động niệm phân biệt, chấp trước gọi là Quán. Có thiện ác, thị phi, lấy - bỏ thì chẳng phải là Quán. Chẳng phải là do trải qua các địa vị tiến lên từng nấc mà tu được, cứ hễ tu hành đạt đến một tiêu chuẩn nhất định bèn khởi tác dụng, liền đạt được hai thứ thù thắng:

- Một là trên có cùng một từ lực với chư Phật, lực dụng lớn nhất là cứu hộ hết thảy chúng sanh, trừ được hết thảy nỗi hại cho bản thân.

- Hai là dưới cùng một bi ngưỡng với chúng sanh, có năng lực tự nhiên có thể cảm ứng đạo giao với hết thảy hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới.

Phật, Bồ Tát có năng lực cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, năng lực ấy là do chúng Liễu Nghĩa mà được. Tuy nói là “*được*”, nhưng thật ra, đó chính là tác dụng của đức năng vốn sẵn có đủ nơi tự tánh. Tánh đức phải nhờ vào Tu đức mới có thể hiển hiện.

Phát ra ba tác dụng thì:

a) Điều thứ nhất là Tam Thập Nhị Ứng (ba mươi hai thân ứng hóa). Tam thập nhị ứng chỉ là cách phân loại tổng quát. Phạm phu thường hiểu lầm, cho rằng Phật, Bồ Tát có tướng mạo nhất định, có người hỏi Quán Thế Âm Bồ Tát là nam hay nữ, người hỏi như vậy nhất định chỉ hiểu biết Phật pháp hời hợt. Người chân chánh chứng đắc “*tu chứng liễu nghĩa*” thì không có tướng mạo nào để nói được, có thể tùy theo từng loài mà hóa thân, đáng nên dùng thân nào để độ được kẻ ấy thì sẽ hiện thân đó để thuyết pháp. Phật, Bồ Tát không vọng tâm, vọng niệm, phân biệt, chấp trước; thuận theo tâm chúng sanh, ứng theo sự hiểu biết của họ, Phật, Bồ Tát có thể hiện các thân. Nơi thiên đường, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, các ngài đều có thể hiện thân đồng loại. Chúng ta cũng có năng lực đó, vì tự tánh mê nên năng lực ấy bị mất đi. Trong Phật pháp, bất luận tu hành theo tông phái nào, mấu chốt của việc tu hành đều là Thiên Định, tức là tu tâm thanh tịnh.

b) Thứ hai là Thập Lực Vô Úy (mười lực không sợ hãi), bao gồm hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian đều thông đạt, hiểu rõ mọi lẽ, trong bất cứ trường hợp nào cũng chẳng hề có tâm kinh sợ. Lúc Phật tại thế, bất cứ vấn đề nào, Ngài cũng đều có thể giải đáp tường tận, không ai bắt bí được Ngài. Có kẻ cho rằng bậc học rộng chưa chắc đã biết rành những chuyện nhỏ nhặt, vặt vãnh; có kẻ hỏi Phật về vấn đề chăn trâu, Phật cũng dạy cho người ấy cách thức, trong Đại Tạng Kinh có một bài kinh mang tên là Mục Nguu Kinh (kinh Chăn Trâu).

c) Thứ ba là Tứ Bất Tư Nghị (bốn thứ chẳng thể nghĩ bàn), cũng là một trong ba thứ tác dụng phát khởi sau khi đã tu chứng liễu nghĩa. Với tình huống này, khi tu hành đạt đến mức độ tương đương sẽ tự nhiên có, chẳng cần phải cầu.

Ghi chú: “*Tứ Bất Khả Tư Nghị*” là thuật ngữ nhà Phật, tức là chư Như Lai có bốn sự chẳng thể nghĩ bàn, Tiểu Thừa chẳng thể biết được nổi. Một là thế giới chẳng thể nghĩ bàn, hai là chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, ba là rỗng chẳng thể nghĩ bàn, bốn là cõi Phật cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Dùng Căn chẳng dùng Thức, chọn Nhĩ Căn làm liễu nghĩa bậc nhất trong các liễu nghĩa. Chúng sanh căn tánh bất đồng, pháp môn tu hành trong kinh Lăng Nghiêm chia thành hai mươi lăm loại lớn, ngài Văn Thù quán sát căn tánh của người thế gian, trong sáu căn, căn Tai thông lợi nhất. Lúc Phật tại thế, trong bốn mươi chín năm giáo hóa chúng sanh, toàn là giảng kinh cho đại chúng nghe. Vào thời đại Xuân Thu, Khổng Phu Tử cũng phải dùng cách giảng thuyết giáo học để chỉ dạy hàng đệ tử.

Bởi thế, lúc ngài Văn Thù tuyển chọn pháp môn, dạy chúng ta dùng lục căn, chẳng dùng lục thức, đặc biệt chọn lấy Nhĩ Căn vì nó khế hợp nhất đối với căn cơ của chúng sanh. Người thời cổ thật thà, tôn sư trọng đạo, đối với lời thầy tin tưởng sâu xa chẳng nghi ngờ. Người hiện tại chẳng bằng cổ nhân, đối với lời nói của bất cứ ai cũng đều hoạnh học, cho nên sở học cả một đời của con người hiện tại chỉ là tri thức, chứ chẳng phải là trí huệ. Trí huệ và tri thức khác nhau rất xa, quý vị chú tâm nghiên cứu Lục Tổ Đàn Kinh [sẽ thấy]: Lục Tổ chưa hề đọc sách, nhưng sau khi khai ngộ, bất cứ sự việc thế gian hay xuất thế gian nào Ngài đều thông đạt cả. Trí huệ của Ngài là do sau khi khai ngộ mà thành, có thể nói là “*tu một thứ là tu hết thầy*” vậy.

Từ tánh khởi tu chẳng có giai đoạn, tu một thứ là tu hết thầy. Nhĩ Căn đối ứng Nhĩ Thức, chẳng dùng Nhĩ Thức mà dùng Nhĩ Căn để nghe tánh, tại mắt thì dùng Nhãn Căn để thấy tánh. Vấn đề nan giải hiện thời là giữa “*tánh nghe*” và “*nhĩ thức*” có khác biệt gì? Phải biết thì mới có thể học được.

Theo Duy Thức Học, tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt, tác dụng của thức thứ bảy là chấp trước, tác dụng của thức thứ tám nói theo cách bây giờ là ghi nhớ, trong kinh Phật gọi là “*chứa đựng chủng tử*”. Phật dạy chúng ta bỏ Thức, sử dụng tánh của Căn. Tánh khác với Thức; Tánh không phân biệt, chấp trước, chẳng vướng mắc ấn tượng. Ví như tấm gương chiếu mọi vật rõ rệt, rành rẽ, nhưng trọn chẳng giữ lại bóng dáng. Còn Thức như máy chụp hình, trong máy có phim, giữ lại hình ảnh. Tách rời hết thầy mọi phân biệt, chấp trước, vạn pháp quyết định bình đẳng thì tâm mới thanh tịnh, tâm thanh tịnh gọi là “*liễu nghĩa*”.

Hiện thời, ta chọn dùng phương pháp Niệm Phật của Đại Thế Chí Bồ Tát, Phật hiệu từ tâm sanh ra, từ miệng niệm ra, tai lại nghe lấy, cũng có mối liên quan mật thiết đối với pháp Nhĩ Căn Viên Thông. Dùng cách niệm này, nhiếp tâm dễ dàng. Nếu tịnh niệm tiếp nối thì chính là Niệm Phật Tam Muội. Công phu cạn gọi là “*thành phiền*”, công phu sâu gọi là “*nhất tâm bất loạn*”.

5. Chư Bồ Tát Vạn Hạnh

Duyên nhân trợ tu. Duyên là Tăng Thượng Duyên, lực độ vạn hạnh hỗ trợ chúng ta tu học. Trong Viên Giáo, Thập Tín hoàn toàn không có địa vị bởi lẽ

lúc tiến, lúc lùi. Sơ Địa Bồ Tát trong Đại Thừa Phật pháp bèn chứng ba thứ bất thoái, thật sự là đệ tử Phật. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh tu lục độ vạn hạnh nhằm mục đích đào thải những tập khí của chính mình từ vô thi kiếp đến nay. Chẳng hạn như bố thí để đoạn sạch tập khí keo bần, tập khí keo bần của chính mình bị đoạn sạch hoàn toàn chính là tu hành viên mãn. Thập Hồi Hương là quay Phật sự hướng về Phật tâm, tâm Phật là tâm của chính mình. Hết thấy những việc tu dưỡng của mình nhằm để mình tâm kiến tánh, hiển phát tự tánh, tánh thể, tánh đức, tánh lượng; hồi hương Thật Tế, hồi hương Bồ Đề, hồi hương chúng sanh.

Sau khi viên mãn địa vị Tam Hiền (Thập trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương) bèn có Tứ Gia Hạnh (4), sau khi tu viên mãn liền đăng địa. Tứ Gia Hạnh là bốn phương pháp tu hành, với mục đích nhằm diệt mất cả tâm lẫn Phật, diệt sạch số lượng, khiến cho tâm đạt đến chỗ thanh tịnh, diệt sạch hết thấy ý niệm. Nếu trong tâm vẫn còn có Phật hoặc còn những số lượng khác, thì vẫn là còn có một vật, tâm vẫn chưa thanh tịnh. Tâm thanh tịnh mới có thể đăng địa. Phải đăng địa rồi mới có thể hiển xuất Chân Như Phật Tánh.

Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm Sanh Tướng vô minh, phải đến khi phá sạch rồi mới đạt đến địa vị Diệu Giác, tự tánh hoàn toàn hiển lộ thì gọi là thành Phật. Công phu, hạnh nghiệp của hành nhân viên đốn cốt yếu tại lúc Sơ Phát Tâm, cho nên nói: *“Sơ phát tâm liền thành Chánh Giác”*. Về Lý thì đúng, nhưng trên mặt Sự, phiền não tập khí chưa đoạn.

Sau khi đạt địa vị Càn Huệ mới có thể tùy ý vào trong biển trang nghiêm màu nhiệm của Như Lai. Càn là giống như nước khô cạn, Phật pháp coi tham ái như nước, ví nóng giận như lửa. Càn tức là chẳng có thất tình (5), ngũ dục. Nước ái đã khô cạn, trí huệ liền hiện tiền, đã đạt cảnh Tam Không (6). Càn Huệ nằm trong khoảng giữa từ Thập Tín cho đến Sơ Trụ, đợi đến sau khi phá được một phần vô minh, liền chứng địa vị Sơ Trụ, bèn thành Pháp Thân đại sĩ, sau đây bèn mặc tình tự nhiên tương ứng với pháp tánh, vào trong biển trang nghiêm màu nhiệm của Như Lai, chẳng bị thoái chuyển. Vận dụng cả Chỉ lẫn Quán nên còn gọi là *“diệu Thiên-na”*.

Trong kinh này, Ngài A Nan cho biết Ngài đã liễu giải ba thứ Định là Xa Ma Tha, Tam Ma Địa và Thiên Na. Ba thứ Định ấy là ba giai đoạn trong quá trình tu học, nhưng đối với tu hành đại định viên mãn, A Nan vẫn chưa biết. Phật dạy ngoài ba thứ Định ấy ra, còn có một thứ đại định viên mãn gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, là thứ Định Như Lai chứng được nơi quả vị. Những thứ Định khác Bồ Tát chứng được, Xa Ma Tha La Hán cũng có thể chứng, Bồ Tát còn chứng được Tam Ma Địa và Thiên Na.

6. Thủ Lăng Nghiêm

Đức Phật dùng chữ Thủ Lăng Nghiêm để hình dung hết thấy sự rốt ráo kiên cố. Vạn sự, vạn pháp dù là thế gian hay xuất thế gian đều có biến hóa, ngay đến cả Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng phải là ngoại lệ. Bản tánh chân tâm của chính mình là rốt ráo kiên cố, tự tánh là Năng Biến, vạn pháp là Sở Biến, hết thấy hiện tượng là Sở Biến. Năng Biến là chân, Sở Biến là huyền hóa.

Vũ trụ được sanh ra như thế nào, sanh mạng bắt nguồn như thế nào, các nhà khoa học, triết học trên toàn thế giới tìm chẳng ra. Nếu như thế gian tìm được câu trả lời, Phật đã chẳng cần phải đến thế gian này! Lời Phật dạy thật chẳng dễ gì hiểu được. Đức Phật bảo tất cả hiện tượng “*đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận*” (tam hiểu là: Sanh ra ngay từ nơi này, diệt mất ngay nơi này). Đây là lời thật, tất cả hiện tượng sanh từ tâm tưởng. Bài Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có câu:

Mộng lý minh minh hữu lục thú,

Giác hậu không không vô đại thiên.

(Tam dịch:

Trong mộng, sáu đường vắng vắng có,

Giác rồi, tam giới rỗng toang hoang)

Sâm la vạn tượng do tâm tưởng sanh, sau khi khai ngộ, sẽ minh bạch hoàn toàn chân tướng sự thật. Kinh Pháp Hoa nói: “*Tướng thế gian thường trụ*”, nghĩa là chẳng có sanh diệt, cũng chẳng có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Chúng ta thấy rõ con người có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, mọi sự đều đổi dời, sao lại nói “*chẳng có sanh diệt*”? Trong tâm có ý niệm, có tiền niệm, có hậu niệm, niệm niệm nối tiếp nhau chẳng ngừng, hết thấy hiện tượng đều là từ tâm tưởng tiếp nối mà sanh ra, nhưng lời nói chân thật này chúng ta nghe chẳng hiểu.

Thất thú (bảy đường) là ngoài lục thú (trời, người, a-tu-la, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ), còn kể thêm tiên đạo. Ngũ Ma là do chúng ta có Ngũ Ấm, kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi thứ Ấm Ma, chướng ngại thân tâm chúng ta tu trì. Nếu quý vị hiểu được chúng sẽ chẳng bị chúng gây chướng ngại nữa.

“*Xa Ma Tha, Tam Ma Địa, Thiên Na*” là do mức độ tâm thanh tịnh sai khác mà giả đặt danh xưng. Chẳng hạn như, tâm thanh tịnh bị nhiễm ô mười phần mà khử được hai ba phần thì gọi là Xa Ma Tha; trừ được sáu bảy phần gọi là Tam Ma Địa; trừ được tám chín phần gọi là Thiên Na. Trừ sạch cả mười phần gọi là

Thủ Lăng Nghiêm. Một phần thanh tịnh được một phần công đức, cho đến khi rốt ráo viên mãn thì chính là “*Thủ Lăng Nghiêm rốt ráo kiên cố*”.

Giao Quang đại sư là người đời Minh, cùng thời đại với đại sư Liên Trì, cũng tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngài viết một bản sớ giải mang tên Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, giải thích kinh Lăng Nghiêm khác với cách cổ đức giảng giải. Phần trước tôi đã từng nhắc đến: khi Trí Giả đại sư phát minh thuyết “Tam Chỉ Tam Quán”, có vị cao tăng từ Ấn Độ đến Trung Hoa gặp mặt Trí Giả Đại Sư, cho là thuyết Tam Chỉ Tam Quán của đại sư rất giống với phương pháp tu hành trong kinh Lăng Nghiêm. Do vậy, về sau học giả các đời đều đem thuyết Chỉ Quán của ngài Thiên Thai phối hợp với ba thứ định trong kinh Lăng Nghiêm, coi Xa Ma Tha là Chỉ, Tam Ma Địa là Quán, Thiền Na là Chỉ Quán bất nhị, dùng Tam Chỉ Tam Quán để phụ họa kinh Lăng Nghiêm.

Giao Quang đại sư phản bác cựu thuyết, cho rằng Tam Chỉ Tam Quán là dùng ý thức để tu tâm, còn kinh Lăng Nghiêm dùng tánh của căn để tu, phát huy huyền nghĩa chân chánh của kinh Lăng Nghiêm. Lúc Ngài viết chú sớ, mắc bệnh một trận, thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh. Ngài thưa cùng A Di Đà Phật: “*Chú giải từ cổ đến nay đều chưa phát huy được huyền nghĩa chân chánh của kinh Lăng Nghiêm, con nay đang soạn chú giải kinh Lăng Nghiêm, con muốn soạn xong rồi mới đi*”, Phật bèn chấp thuận.

Ngài giải thích Lăng Nghiêm Đại Định là Tánh Định, ngài giảng như sau:

- Đây là diệu định, đúng là tánh vốn tự có đủ, thiên nhiên bất động, chẳng cần phải nhọc công tu thành. Bản tánh của chúng sanh chưa từng mất đi, chân tâm bất động, nhận làm mê tình là chân tâm, tức là nhận giấc làm con. Giác là bất động, mê là động. Đây gọi là diệu định.

- Đây là viên định, phần trên đã nói qua, vạn pháp không gì chẳng phải là Thật Tướng, đều vốn sẵn bất động.

- Đây là đại định, hết thấy phàm phu không ai là chẳng vậy. Tâm Phật chẳng động, tâm ta cũng chẳng động. Kinh Lăng Nghiêm có một đoạn kinh văn rất dài nói về thấy rõ mười phương: Tánh Thấy của chúng ta chẳng động, tánh Thấy chẳng mê, chẳng đến, chẳng đi, chẳng sanh, chẳng diệt, tức là bản tánh. Nhận Thức động, tánh Thấy chẳng động. Sau khi giải ngộ phải tu hành để đào thải cho sạch hết vọng tưởng tập khí thì toàn thể đại dụng của tánh đức mới có thể hiện hữu hoàn toàn, lòng tin chẳng thể lay động, đối với việc niệm Phật vãng sanh quyết định chẳng còn ngờ vực gì.

7. Kinh (lược đi không giảng)

Ghi chú:

Pháp Sư giảng kinh mấy mươi năm, mỗi lần giảng đề mục kinh đều giảng chữ kinh, các đệ tử nghe giảng thường đều đã biết rành, nên giảng đến chữ Kinh, Pháp Sư bèn lược đi không nhắc đến nữa, nhưng cũng không hiếm người mới nghe băng giảng kinh này là lần đầu, nên chúng tôi thuyết minh đơn giản, những chỗ nào cần mà bị lược đi, bèn ghi bổ sung vào.

Chữ Kinh là tên chung, chữ Kinh tiếng Phạn gọi là Tu-đa-la, dịch sang tiếng Tàu là Khế Kinh. Khế nghĩa là trên khế hợp với Lý đức Phật đã chứng, dưới là phù hợp căn cơ chúng sanh đấng độ. Chữ Kinh gồm bốn nghĩa: Quán, Nhiếp, Thường, Pháp.

- Quán là xuyên suốt nghĩa lý được nói trong toàn kinh, tạo thành giáo nghĩa có hệ thống, như dùng một sợi chỉ để khâu các hạt ngọc lại.

- Nhiếp là nhiếp trì chúng sanh căn cơ đấng độ. Thiện căn của chúng sanh đã thành thực, vừa nghe kinh này bèn có thể tin nhận phụng hành.

- Thường là thường trụ bất biến, muôn đời luôn mới mãi, bất cứ thời đại nào cũng đều thích ứng, phổ độ chúng sanh.

- Pháp là pháp tắc, quy củ. Trên dưới xưa nay đều nên tuân theo, chiếu theo, y giáo phụng hành, đều có thể đắc độ.

II. Giải thích đề mục chương Viên Thông

Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương

Đại Thế Chí là người khai giáo, [chỉ bày] giáo pháp Niệm Phật tu Tịnh Độ. Hai mươi lăm vị Bồ Tát mỗi vị [dạy một pháp môn] khác nhau, Đại Thế Chí dạy chúng ta chuyên tu pháp môn Niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Ngài là Sơ Tổ của Tịnh Tông.

Trong cuốn Tịnh Tông Tiếp Yếu, lão cư sĩ Hạ Liên Cư là người đầu tiên đề xướng Đại Thế Chí Bồ Tát là Sơ Tổ Tịnh Tông, trong hư không đề xướng pháp môn Niệm Phật chỉ có Đại Thế Chí Bồ Tát. Một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực, từ sơ phát tâm cho mãi đến khi thành Phật chẳng thay đổi, thành Phật rồi vẫn niệm A Di Đà Phật, trong mười phương thế giới rộng độ chúng sanh cũng vẫn dùng một câu A Di Đà Phật, xưng là Tịnh Tông Sơ Tổ quả là danh xứng với thật. Dùng tâm niệm Phật nhập Vô Sanh Nhẫn. Nói thông thường, Thất, Bát, Cửu Địa Bồ Tát của Viên Giáo mới chứng được Vô Sanh Nhẫn.

“*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” hai câu này là phương pháp niệm Phật. “*Chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai*”: Chẳng cần mượn bất cứ phương pháp nào để hỗ trợ, “*tâm khai*” là như Thiền Tông nói đại triệt đại ngộ

và như Mật Tông bảo là Tam Mật Tương Ứng hay Tứ Thân Thành Phật. “*Tự được tâm khai*” là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, “*nhập Tam Ma Địa*” là chứng đắc Thủ Lăng Nghiêm đại định.

Hai vị đại Bồ Tát Đại Thế Chí và Quán Thế Âm hiện đang sống trong Sa Bà thế giới, nhiếp thủ người niệm Phật chẳng bỏ, khiến họ lìa tam đồ, được sanh về Tịnh Độ. Niệm Phật là phương pháp, có trí tuệ mới có thể niệm Phật. Người thông minh trong thế gian chưa hẳn đã có trí huệ, thông minh là thế trí biện thông, là một trong tám nạn, bất cứ nạn nào trong tám nạn cũng đều có thể chướng ngại tu đạo, chướng ngại xuất tam giới, chướng ngại liễu sanh tử, thoát luân hồi, thành Phật đạo. Tánh thể trọn khắp là Viên, diệu dụng vô ngại là Thông. Lại nữa, Lý Diệu Trí để chúng gọi là Viên Thông. Dùng phương pháp Niệm Phật có thể đạt đến cảnh giới Viên Thông.

III. Giải Thích Kinh Văn

Chánh kinh:

Đại Thế Chí pháp vương tử, dữ kỳ đồng luân, ngũ thập nhị Bồ Tát, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:

(Đại Thế Chí pháp vương tử cùng những với năm mươi hai vị Bồ Tát đồng chí hướng với Ngài, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, mà bạch Phật rằng)

Kinh Tư Ích chép: “*Nơi ta (Đại Thế Chí Bồ Tát tự xưng) đặt chân, chấn động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện ma, nên tên là Đại Thế Chí*”. Kinh Tư Ích nói đầy đủ là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh.

Danh hiệu Đại Thế Chí Bồ Tát là do oai thế của Bồ Tát mà kiến lập, trong Tây Phương Tam Thánh, Ngài tượng trưng cho trí huệ. Trí huệ viên mãn rốt ráo mới có oai đức tối thù thắng, oai đức ấy có thể chấn động tam thiên đại thiên thế giới, cũng như chấn động cung điện ma. Quán Kinh nói: “*Lúc vị Bồ Tát này đi, mười phương thế giới hết thấy chấn động. Lúc vị Bồ Tát này ngồi, cõi nước bảy báu đồng thời lay động*”, nghĩa là nói oai đức, trí huệ của Bồ Tát tựa tựa như kinh Tư Ích. Đây đều là nói về phương diện tự lợi của Bồ Tát.

Kinh Bi Hoa nói: “*Nguyện thế giới của tôi giống như thế giới của Quán Thế Âm, giống hệt không khác*”. Bảo Tạng Phật nói: “*Do ông nguyện lấy đại thiên thế giới, ta nay đặt tên ông là Đắc Đại Thế*”. Đây là nói về đại nguyện của Bồ Tát.

Trong kinh Phật có nói, trong tương lai A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có lúc bát Niết Bàn, thời gian ấy lâu phi thường. Phật nói là giả sử chúng sanh trong mười phương thế giới đều chứng đắc Bích Chi Phật, đều có đại thần thông như Mục Kiền Liên, suốt trọn vạn ức năm cũng chẳng tính nổi thọ mạng của Phật A Di Đà. Thế giới Cực Lạc kỳ diệu phi thường, chẳng hề có những thời kỳ Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp và diệt pháp. Sau khi Phật A Di Đà nhập diệt, Quán Thế Âm ngay lập tức thành Phật tiếp nhiệm; Quán Thế Âm nhập diệt, Đại Thế Chí liền tiếp nối thành Phật.

Nếu có kẻ hoài nghi: Phật cũng nhập diệt, ta sanh về đó làm chi? Nói “*nhập diệt*” nghĩa là Ứng Thân nhập diệt, chứ Pháp Thân bất sanh bất diệt, Báo Thân hữu sanh vô diệt. Trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ, thấy được Ứng Thân Phật A Di Đà, trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ thấy được Báo Thân, trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ thấy được Pháp Thân. Trong kinh, đức Thế Tôn thường nói: phạm phu tu thành Phật Quả phải tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp, sanh về Tây Phương liền được vô lượng thọ, cho nên chẳng cần sợ A Di Đà Phật nhập diệt.

Quán kinh nói: “*Dùng trí huệ quang chiếu khắp hết thảy, khiến lìa tam đồ, đắc vô thượng lực*”, tức là nói về phương diện dùng lòng từ bi lợi tha. Kinh Lăng Nghiêm nói Đại Thế Chí có ba đức lớn, tức là niệm Đại Thế Phật (thượng cầu), nhiếp thủ vọng niệm nơi sáu căn (trung tu), tiếp độ người niệm Phật (hạ hóa). Đầy đủ ba đức này, oai đức đến cùng cực, nên gọi là Đại Thế Chí. Đại Thế Chí chính là A Di Đà Phật. Cách tu hành của ngài Đại Thế Chí là dùng “*tịnh niệm tiếp nối*”, một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo, hết thảy những người niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới trong mười phương thế giới đến lúc lâm chung, Ngài và A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn. Oai thần, trí lực của Ngài trong tất cả các Bồ Tát không có ai cao hơn được nên xưng là Chí.

“*Pháp vương tử*” là danh hiệu của vị Bồ Tát bồ xứ, giống như Thái Tử trong thế gian, Ngài là hậu bổ Phật (vị Phật sẽ kế nhiệm sau này). Vị hậu bổ Phật thứ nhất là Quán Thế Âm, Ngài là vị hậu bổ Phật thứ hai. Câu Phật hiệu chứa đựng ý nghĩa sâu xa phi thường, đạt đến chót đỉnh của mọi oai đức, thế lực thế gian lẫn xuất thế gian. Tự tánh vốn sẵn có đủ trí huệ, Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn là sẵn có*”. Vốn có sẵn đủ nên gọi là “*tánh cụ*” hay là “*tánh đức*”. Vì phạm phu mê mất nên Tánh Đức phải nhờ vào Tu Đức mới có thể hiển lộ, Tánh Đức có hiển thị đến mức viên mãn rốt ráo thì mới thật sự thành Phật. Ngài Đại Thế Chí dùng phương pháp Tu Đức nào để hiển lộ Tánh Đức? Chính là niệm A Di Đà Phật, do đây biết một câu danh hiệu này công đức chẳng thể nghĩ bàn.

“*Đồng luân*” nói theo cách bây giờ là “*đồng chí*”. Đồng chí trong thế gian là hữu danh vô thực, đối với điều này, cổ nhân đã lập nghĩa nhất định: bạn đồng

học gọi là “*bằng*”, người cùng chí hướng với mình gọi là “*hữu*”. Là đồng chí thật sự thì phải tâm đồng, nguyện đồng, giải đồng, hạnh đồng! Kinh Hoa Nghiêm nói đến tám mươi bốn thứ đồng, hoặc tám mươi tám thứ đồng, rất tỉ mỉ. Đại Thế Chí và A Di Đà Phật hoàn toàn tương đồng, trong mười phương thế giới, phàm những ai phát tâm niệm Phật đều là “*đồng luân*” của ngài Đại Thế Chí cả.

“*Năm mươi hai*” là chữ dùng để phân biệt thứ loại: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác; tổng cộng năm mươi hai giai đoạn, từ sơ phát tâm thẳng đến khi thành Phật chẳng biến cải; hết thầy người tu pháp môn niệm Phật đều có thể gọi là Đại Thế Chí Bồ Tát, đều là đồng luân của Đại Thế Chí Bồ Tát.

Pháp môn bình đẳng chẳng có cao thấp, do phù hợp căn cơ nên pháp nào cũng tốt. Nhưng con người phân nhiều chẳng phải là căn tánh thông lợi, chỉ e sự nhiều công ít, khó thể thành công. Chỉ có pháp môn Niệm Phật này ai cũng có thể niệm được, đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể niệm được, thời thời khắc khắc chẳng gián đoạn, giúp chúng ta siêu xuất sanh tử luân hồi, bởi thế, người niệm Phật đều có trí huệ chân thật vô thượng.

* Thập Tín: Mọi người nói chung đối với chuyện vì sao phải học Phật, vì sao phải cầu thành Phật chẳng hiểu rõ lắm. Phật là chân tâm của chính mình, mà cũng là bản tánh của chính mình. Thành Phật là thành tựu trí huệ viên mãn của tánh đức. Phật chính là tâm, vốn sẵn có đủ vạn đức, vạn năng. Kinh Kim Cang dạy: “*Lòng tin thanh tịnh bền sanh Thật Tướng*”. Do lòng tin trong sạch mức độ khác nhau nên mới có mười giai đoạn (Thập Tín), tu mãn địa vị Thập Tín sẽ nhập Sơ Trụ, Sơ Trụ là bước đầu của Đại Thừa.

* Thập Trụ: trụ trong tam-muội, tức là trụ trong thanh tịnh - bình đẳng - giác, luôn gìn giữ chân tâm thường trụ, chẳng bị thoái chuyển. Quán Thật Tướng Phật chính là nhìn vào tự tánh. Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”. Tánh đức của Ngài tỏ lộ, liền tự hiểu rõ chân tướng của nhân sanh, vũ trụ.

* Thập Hạnh: Hạnh là pháp môn Niệm Phật, chỉ niệm một câu Phật hiệu, dùng pháp khó tin dễ hành để độ người niệm Phật. Công phu niệm Phật càng sâu, càng thể hội được việc niệm Phật.

* Thập Hồi Hương: Xoay niệm hướng về tâm Phật, tất cả hết thầy công đức hồi hướng về Phật tâm, thông thường hồi hướng ba nơi:

a. Hồi hướng Thật Tế: Thật Tế chính là chân tướng sự thật.

b. Hồi hướng Bồ Đề: Bồ Đề là trí huệ chân thật.

c. Hồi hướng chúng sanh: sau khi chính mình đã thành tựu, vẫn còn bao người mê mất tự tánh, hy vọng họ thấy đều giác ngộ.

“*Hồi hướng*” là đem hết thầy công đức mình đã tích lũy, chẳng cần đến nữa, đem cho hết thầy chúng sanh. Đây chính là phá Ngã Chấp, lợi ích của việc hồi hướng chính là phá Nhị Chấp.

* Thập Địa: Địa tức là Phật địa. Hồi hướng viên mãn bèn nhập Phật địa, rất gần với Phật, địa vị mình chứng được rất gần với quả vị Phật. Đẳng Giác chính là bằng với quả Phật viên mãn. Niệm Phật là công đức ngay trên quả vị Như Lai. Người niệm Phật là thượng thượng nhân, cũng là hoa phân-đà-lợi (hoa sen trắng) trong loài người.

Chánh kinh:

Ngã ức vãng tích, hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Vô Lượng Quang. Thập nhị Như Lai, tương kế nhất kiếp, kỳ tối hậu Phật, danh Siêu Nhật Nguyệt Quang.

(Con nhớ xưa kia trong hằng hà sa kiếp, có Phật xuất thế, tên là Vô Lượng Quang. Mười hai vị Như Lai nối tiếp nhau [xuất hiện] trong một kiếp. Đức Phật sau cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang)

Đại Thế Chí Bồ Tát bảo cho chúng ta biết về sự thừa của Ngài, trong vô lượng kiếp trước có một đức Phật, tên là Vô Lượng Quang. Có mười hai vị Như Lai nối tiếp nhau xuất thế trong một kiếp. Kinh Vô Lượng Thọ, chương hai mươi lăm có nói: “*A Di Đà Phật, quang minh tốt lành, sáng hơn mặt trời, mặt trăng ngàn vạn ức lần, ấy tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các Phật. Vì thế, Vô Lượng Thọ Phật còn có tên là Vô Lượng Quang Phật*”.

Nói trên mặt Lý, Phật Phật đạo đồng, tuyệt chẳng có cao thấp, xung tụng là “*tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các Phật*” tựa hồ giáo nghĩa mâu thuẫn nhau? Nên biết rằng, luận trên mặt Lý là bình đẳng, nhưng trên mặt Sự lại chẳng bình đẳng. Sau khi thành Phật chứng quả, do lúc ban đầu khi tu nhân phát nguyện sai khác, nên về mặt tướng, chư Phật chẳng thể sánh bằng Phật A Di Đà. Chư Phật thấy A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám nguyện, thành quả là thế giới Cực Lạc trang nghiêm, đương nhiên nhất trí ủng hộ, khen ngợi, đều muốn giúp A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về thế giới Cực Lạc, bắt tất phải mở riêng trường phái. Kinh Vô Lượng Thọ còn nêu danh xưng của mười hai Như Lai, lược nói như sau:

1. **Vô Lượng Quang Phật** tiêu biểu chân trí huệ.
2. **Vô Biên Quang Phật**, tiêu biểu giải thoát bình đẳng nhất như.

3. **Vô Ngại Quang Phật**, tiêu biểu “*thể tịch, dụng diệu*” tự tại: Thể tánh thanh tịch, tịch tĩnh; “dụng diệu” là khởi tác dụng mầu nhiệm tự tại. “Thể tịch” là tánh không, “dụng diệu” là diệu hữu.

4. **Vô Đẳng Quang Phật**, là do tâm đại bi kiến lập, dẹp nổi khổ cho chúng sanh không ai có thể sánh bằng.

5. **Trí Huệ Quang Phật**, trừ bụi như vô minh, ban cho lợi ích chân thật. Chỉ có trí huệ chân chánh mới phá được vô minh, vô minh là hồ đồ, tự mình khi mê, khi ngộ. Do vậy cũng có thể quán sát, thời thời khắc khắc giúp đỡ người khác, niệm niệm lợi ích chúng sanh, tức là trí huệ. Lợi ích chân thật là khuyên người niệm Phật, sau khi vãng sanh tất cả vô minh đều phá sạch.

6. **Thường Chiếu Quang Phật**: Giống như chư Phật phóng quang, chiếu khắp pháp giới. Thường quang của Phật A Di Đà chiếu khắp pháp giới, tịch nhưng thường chiếu. Tịch là tâm thanh tịnh. Chiếu là tâm bình đẳng mà cũng là tâm đại từ bi. Niệm niệm muốn phổ độ chúng sanh nhưng tâm không nhiễm trước.

7. **Thanh Tịnh Quang Phật** là ba nghiệp chẳng nhiễm, quyết chẳng chấp trước, biến phước đức thành công đức, dùng tâm thanh tịnh tu phước đức, chẳng hạn như tu Bồ Thí có thể đạt đến “*tam luân không tịch*” (7), lại còn thực hiện hạnh ấy một cách vô cùng tích cực.

8. **Hoan Hỷ Quang Phật**: Từ là làm cho an lạc, làm cho hết thảy chúng sanh an lạc.

9. **Giải Thoát Quang Phật**, lia tướng mà lợi ích khắp tất cả, cả Tiểu lẫn Đại Thừa đều bàn đến. Giải là muôn vàn gút mắc trong tâm đều tháo gỡ cả. Tiểu Thừa chỉ đoạn được Kiến Tư mà ra khỏi tam giới; Đại Thừa ngoại trừ Kiến Tư, còn có Trần Sa, Vô Minh.

10. **An Ổn Quang**: ý nghĩa gần giống với chữ Thủ Lăng Nghiêm, có nghĩa là hết thảy rất ráo kiên cố, lia tướng sanh diệt. Có sanh diệt là chẳng an ổn. Nói trên mặt Lý, chân tâm bản tánh chẳng sanh chẳng diệt, ai ấy đều có đủ; phàm phu tuy có nhưng không dùng được, có ý niệm sanh diệt bèn bị chương ngại, bị luân hồi oan uổng trong lục đạo.

Mười thứ quang minh nói trên đây đều thuộc Thường Quang, hai loại quang minh tiếp theo đây thuộc về Phóng Quang.

11. **Siêu Nhật Nguyệt Quang**: quang minh của đức Phật vượt xa mặt trời, mặt trăng.

12. **Bất Tư Nghị Quang:** Cổ đức nói quang minh này có năm điều chẳng thể nghĩ bàn:

a. Vượt ngang ra khỏi tam giới, chẳng cần phải đợi đến khi đoạn Hoặc:

Quang minh của Phật A Di Đà chiếu khắp hết thảy, nhưng chúng ta không thấy được, cũng chẳng nhận biết. Hiện tại, người có công năng định lực mới có thể thấy được. Quang minh này thật đáng sánh với tâm thanh tịnh. Vọng niệm chẳng đoạn, quyết định chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Thiên gia chẳng qua chỉ đề nén được Kiến Tư Hoặc nên chẳng thể thoát tam giới. Chẳng đoạn phiền não mà có thể thoát khỏi tam giới thì chỉ riêng mình pháp Niệm Phật mà thôi.

b. Hễ sanh về Tây Phương liền đầy đủ cả bốn cõi theo chiều ngang, chẳng phải do tiến tu dần dần:

Tất cả pháp Đại Thừa, tu nhân chứng quả đều có thứ tự, những thế giới khác đều có đủ cả bốn cõi, nhưng không phát khởi cùng một lúc. Phạm Thánh Đồng Cư Độ có phạm phu mà cũng có thánh nhân, có phạm phu giác ngộ, có người chân chánh tu hành, nhưng công phu chưa đạt đến tột cùng, chẳng thể siêu việt. Lại còn có Bồ Tát, La Hán thị hiện trong cõi này để hóa độ chúng sanh. Nếu đoạn được Kiến Tư phiền não, sẽ vượt khỏi lục đạo, dự vào Phương Tiện Hữu Dư Độ, ở ngoài tam giới. Nếu như phá được một phẩm vô minh, chứng được một phần Pháp Thân, liền nhập Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Hai cõi trước là do A Lại Da Thức biến hiện, là Tướng Phần (8) của A Lại Da Thức. Thật Báo Trang Nghiêm Độ là pháp tánh độ, do Chân Như Bản Tánh biến hiện ra. Thường Tịch Quang là Lý, xuyên suốt các cõi kia.

Trong thực tế, chỉ có ba cõi, nhưng trong Cực Lạc thế giới, bốn cõi đồng thời khởi. Tuy trình độ bất đồng nhưng vẫn khởi cùng lúc, cho nên một thứ sanh thì hết thảy đều sanh. Phạm phu sanh trong Đồng Cư Độ, Tiểu Thừa La Hán hồi Tiểu hướng Đại sanh trong Phương Tiện Độ, Bồ Tát sanh cõi Thật Báo. Đến Tây Phương hết thảy cùng khởi.

3. Chỉ trì danh hiệu, chẳng cần đến phương tiện nào khác:

Chẳng cần phải tu pháp môn nào khác, cũng chẳng cần phải đọc kinh điển nào khác, chỉ dựa vào một câu Phật hiệu, chẳng cần đến những thứ nào khác.

4. Lấy bảy ngày làm kỳ hạn, chẳng cần phải nhiều đời nhiều kiếp:

Hết thảy mọi sự thế gian, xuất thế gian đều buông xuống hết, thành tâm niệm Phật, bảy ngày liền có thể thành tựu.

5. Trì danh hiệu một đức Phật, liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì trì danh hiệu hết thầy Phật:

Hết thầy chư Phật tán thán thế giới Cực Lạc y báo, chánh báo trang nghiêm. Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ là chương trình tu luyện chính để học Phật, các kinh điển khác đều để phụ trợ.

Mười hai đức Phật vừa nói trên là cổ Phật, A Di Đà Phật thành Phật chẳng qua mới mười kiếp, cổ Phật cùng với đức Phật A Di Đà hiện tại đồng danh đồng hiệu. Ở Trung Quốc, vào thời xưa, cha mẹ đặt tên cho con cái nhằm bày tỏ niềm hy vọng nơi con cái. Danh hiệu của một đức Phật là do trí huệ, đức năng, và phương pháp, biện pháp giáo hóa chúng sanh của Ngài mà kiến lập, bởi thế mới có những vị Phật danh hiệu giống nhau.

Chánh kinh:

Bỉ Phật giáo ngũ, Niệm Phật Tam Muội.

(Đức Phật ấy dạy con Niệm Phật Tam Muội)

Vô Lượng Thọ Phật dạy Đại Thế Chí Bồ Tát pháp Niệm Phật Tam Muội. Tam Muội là tiếng Phạn, nghĩa là Chánh Thọ. Niệm Phật, niệm thật hoan hỷ phi thường, niệm đến mức tinh thần no đủ, càng niệm càng lên tinh thần, là đạt Niệm Phật Tam Muội. Cảm thọ của phàm phu gồm năm thứ: khổ, sướng, buồn, vui, xả. Từ trời Dục Giới trở xuống, có đủ năm thứ này. Không có năm thứ này thì cuộc sống luôn bình ổn. Trời Sắc Giới khổ, sướng, buồn, vui đều chẳng có, chỉ có mỗi Xả thọ, chia thành tám đẳng cấp Tứ Thiên Bát Định. Do chẳng thể giữ được Định ấy vĩnh cửu, giống như đá đè cỏ, nên chỉ là tạm thời; nếu như đoạn dứt được cái gốc, liền thành tam-muội.

Niệm Phật có Sự và Lý, Sự Niệm là nhất tâm nghĩ nhớ, chẳng quản là Sự hay Lý, máu chốt là Nhất Tâm, hễ có tạp niệm vọng tưởng thì chẳng phải là Nhất Tâm. Thông thường, quá nửa người đời dùng tạp tâm niệm Phật, chứ nếu thật sự nhất tâm, sẽ trong một thất hay hai thất liền đắc tam muội.

Về Lý Niệm, niệm chính là Thi Giác, Phật là Bản Giác. Bản và Thi hợp nhau, Thi - Bản chẳng hai, gọi là Niệm Phật. Lý niệm tức là Thật Tướng Niệm Phật. Người sơ học rất khó thực hiện được, hãy nên hạ thủ bằng Sự Niệm, từ Sự Nhất Tâm niệm đến Lý Nhất Tâm. Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên mới thuộc về Lý Niệm, từ Thập Tín trở xuống đều thuộc về Sự Niệm. Niệm Phật có bốn cách:

- Một là Thật Tướng Niệm Phật, tức là niệm đức Phật nơi tự tánh, hiểu cặn kẽ chân tánh của tự tâm, chẳng dùng tâm ý thức, chúng ta chẳng thực hiện nổi.

- Hai là Quán Tướng Niệm Phật như mười sáu phép quán. Lúc tâm tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm tưởng Phật biến thành Phật, tướng cái gì liền biến thành cái đó. Tướng chỗ nào có bệnh, chỗ ấy bèn có bệnh, thật đúng là chỗ nào cũng bệnh. Ngày ngày nghĩ tướng khổ não, sao quý vị đoạn phiền não cho được? Mười sáu phép quán, tu phép nào cũng có thể thành tựu. Mười hai phép quán đầu đầu là quán tướng, phép quán thứ mười ba là quán tượng, phép quán thứ mười sáu sau rốt là Trì Danh Niệm Phật.

- Ba là Quán Tượng Niệm Phật, quán tượng Phật vẽ, đắp, hay đúc. Kinh dạy: “*Đứng lên chấp tay, nhất tâm quán Phật*”. Trong nhà nếu có điện thờ Phật, nếu có thời gian rảnh rỗi, chẳng được lìa khỏi Phật đường.

- Bốn là Trì Danh Niệm Phật, nhất tâm chấp trì danh hiệu, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Đây là điều Đại Thế Chí Bồ Tát gọi là “*tịnh niệm tiếp nối*”. Trong bản chú sớ Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư chỉ dạy vô cùng tường tận, phải tin vào lời Phật, đặc biệt là kinh Vãng Sanh. Ngoại trừ ba kinh Tịnh Độ ra, còn có Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm và Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương. Dầu cho cô Phật tái lai, thuyết pháp hoàn toàn mâu thuẫn với những kinh trên cũng chẳng tin theo.

Tiếng Phạn “tam-muội”, Tàu dịch là Chánh Định, còn dịch là Chánh Tư. Tứ Thiên Bát Định của thế gian chẳng thể gọi là Chánh Định Chánh Tư, bởi chẳng thể giữ được chúng vĩnh cửu, chỉ tạm thời đè ép được phiền não chứ không đoạn được phiền não; còn Chánh Tư Duy đã ly khai vọng tưởng. Phạm phu khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội, thiện ác hỗn tạp. Nhất tâm niệm Phật chính là Niệm Phật Tam Muội, cảnh giới ấy có sâu cạn khác nhau, công phu chẳng giống nhau. Đọc truyện ký xưa nay, thấy rất nhiều người niệm Phật ba năm liền có thể sanh tử tự ý, tùy nguyện vãng sanh, xem thế giới này có ai hữu duyên chẳng, nếu vẫn còn có cơ duyên để độ, bèn chẳng ngại lưu lại thêm một thời gian nữa, nếu không sẽ sớm ngày vãng sanh.

Niệm Phật Tam Muội còn gọi là Nhất Hạnh Tam Muội, cũng gọi là Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội, Bát Nhã Tam Muội, Phổ Đăng Tam Muội. Từ xưa, tổ sư đại đức đem hơn ba trăm hội giảng kinh trong cả một đời giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni chia thành môn loại khác nhau, gọi là “phán giáo”. Tông Thiên Thai chia thành tám giáo, tông Hiền Thủ chia thành năm giáo. Ở đây, theo tông Hiền Thành chia thành Tiểu, Chung, Thi, Đốn, Viên.

Niệm Phật Tam Muội có Sự Niệm và Lý Niệm. Phạm những gì trọng nơi sự tướng là thuộc về Tiểu giáo sơ cấp, giống như tiểu học. Các tông khác: Tiểu chẳng thông Đại; pháp môn này tuy có thứ lớp nhưng cũng viên dung. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ giảng về Nhất Hạnh Tam Muội rất tường tận, Ngài truyền dạy Thiên Tông đốn ngộ. Thiên được nói trong Thiên Tông chẳng phải là

Thiền Định trong Lục Độ, mà là Bát Nhã Ba La Mật. Vừa mở đầu Đàn Kinh, Lục Tổ dạy mọi người niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, minh xác Thiền Tông tu Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.

“Nhất Hạnh” nghĩa là ý chuyên chú, pháp môn Tịnh tông từ Sự Niệm có thể nhập Lý Niệm, cũng thuộc vào Nhất Hạnh Tam Muội, thuộc về Đốn Ngộ. Sau khi ngộ khởi tu, chưa thấy ai cũng có thể đốn chứng. So với Thiền Tông, Niệm Phật không đốn ngộ bằng, nhưng về mặt đốn chứng lại trội hơn Thiền Tông. Một đấng siêu thắng về mặt Ngộ, một đấng siêu thắng về mặt Chứng. Nhưng ngộ rồi chẳng nhất định sẽ chứng, bởi thế, cổ đức nói:

Đản đắc kiến Di Đà,

Hà sâu bất khai ngộ.

(Chỉ được thấy Di Đà,

Lo chi chẳng khai ngộ?)

Thấy đức Di Đà, tự nhiên khai ngộ, bởi thế so với Thiền Tông, Niệm Phật phải thù thắng hơn!

Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội thuộc vào cảnh giới Đại Thừa Chung Giáo, niệm một câu A Di Đà Phật bao gồm danh hiệu hết thầy chư Phật, chẳng sót một đức Phật nào. Tựa đề kinh A Di Đà vốn là “**Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh**” (kinh được hết thầy chư Phật hộ niệm). Hết thầy chư Phật đều vì chúng sanh giảng kinh A Di Đà! Phật giảng kinh là ứng cơ thuyết pháp, các kinh điển chủ yếu đều đã được dịch sang Trung Văn, trong đó, kinh kệ cơ nhất là kinh A Di Đà, độ khắp ba căn, thâm trọn lợi độn, khiến cho chúng sanh bình đẳng được độ. Vì thế, đại sư Thiệu Đạo nói: “*Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ là để nói Di Đà nguyện hải*”.

Phật đã vì một sự kiện này mà xuất hiện trong thế gian, vì sao vẫn phải nói những pháp môn khác? Chỉ là do chúng sanh chẳng tin pháp môn này, chỉ có mỗi pháp môn này là pháp môn thành Phật ngay trong một đời. Ai có cơ hội một đời thành Phật thì người đó mới có thể chuyên tâm tin tưởng pháp môn này, nhưng những người như thế rất ít.

Trong cách phán giáo của tông Hoa Nghiêm, Bát Nhã Tam Muội thuộc về Đại Thừa Thi Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát thật sự là bước mở đầu của Đại Thừa, Sơ Trụ phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Vì thế, gọi là Đại Thừa Thi Giáo. Nếu quý vị có dịp, hãy đọc cuốn sách vỡ lòng của Đại Thừa là Đại Thừa Khởi Tín Luận. Luận ấy là sách giáo khoa của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, đương nhiên chúng ta xem chẳng hiểu!

Tiểu Thừa La Hán, Bích Chi Phật đã đoạn Kiến Tư Hoặc, vượt thoát tam giới lục đạo luân hồi, trong ba đức đạt được Giải Thoát đức, được tự tại; ngoài ra, Pháp Thân đức lẫn Bát Nhã đức đều chưa chứng đắc. Thập Trụ là giai đoạn mở đầu của Đại Thừa, Thập Địa là rốt cục của Đại Thừa. Địa thứ mười gọi là Pháp Vân địa.

Kinh Kim Cang cũng là Đại Thừa Thi Giáo, nêu lên những tiêu chuẩn của Bồ Tát, kinh dạy: *“Nếu có Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát”*. Là được bốn tướng mới tính là nhập môn, phân nửa trên là *“ly tướng”*; phân nửa dưới là: *“Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến chẳng phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến thì mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến”*. *“Kiến”* là ý niệm, [câu trên đây ý nói] chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Nửa phần sau này là *“ly kiến”*. Ngay nơi một câu Phật hiệu liền khế nhập cảnh giới này, bốn tướng, bốn kiến đều chẳng có, phương pháp đơn giản, cũng là Đại Thừa Thi Giáo.

Cuối cùng là Phổ Đẳng Tam Muội. *“Phổ”* là phổ biến, rộng lớn vô biên, *“Đẳng”* là bình đẳng, tận hư không, khắp pháp giới, trọn chẳng có tướng sai khác, thật sự viên mãn rốt ráo. Dem câu *“nam mô A Di Đà Phật”* dịch thành *“quy y Vô Lượng Thọ”* là Phổ Đẳng Tam Muội. Dem vô lượng công đức Phật A Di Đà đã chứng đắc biến thành cái nhân để tu cho chính mình, nhân tốt biến quả, quả thâu nguồn nhân, nhân quả chẳng hai. Ta niệm là niệm Phật A Di Đà trong tâm ta, A Di Đà Phật là chúng sanh trong cái tâm niệm Phật. Chúng sanh, tâm và Phật là nhất tâm, nhất tâm không hai tâm, lập tức trong một niệm công đức viên mãn của chư Phật và chính mình dung hợp thành một phiền. Do đây, ta biết rằng: một câu Phật hiệu gồm đủ cả Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên.

Niệm Phật Tam Muội, cổ nhân gọi là đường tắt, nhưng Trì Danh là đường tắt nhất trong các đường tắt, dễ đi mau đến, xưng danh hiệu Ngài, bốn nguyện như thế. Tâm người phương này tạp loạn, ắt phải làm cho chuyên tâm một cảnh mới hòng được vãng sanh. Tôi thường yêu cầu các vị niệm kinh Vô Lượng Thọ ba ngàn lần, là nhằm tu tâm thanh tịnh, lại dùng lòng tin thanh tịnh kiên định để chấp trì danh hiệu, có thể đạt đến minh tâm kiến tánh, đắc Vô Thượng Bồ Đề, trong một đời có thể đạt được.

Lão pháp sư Đàm Hư khai thị trong Phật thất tại đạo tràng nọ ở Hương Cảng, có lưu lại một cuốn băng thâu âm, Ngài lại nói giọng Thiên Tân, tôi phải nghe hết ba ngày mới hiểu hoàn toàn. Người có thiện căn nghe được cuốn băng ấy có thể vãng sanh, tôi nhờ người làm thành CD, rồi lại chế thành băng thâu âm. Có người chuyên niệm một câu Phật hiệu, rồi đứng mà qua đời hoặc ngồi mà qua đời; người thật, việc thật, bọn họ làm được như thế, thân tâm lẫn thế giới đều buông xuống cả, cái gì cũng chẳng có. Thiện căn của mình có hợp với

tiêu chuẩn hay không chính mình phải tự biết. Nếu vẫn là ba tâm hai ý thì chưa đạt được tiêu chuẩn! Cũng chẳng nghĩ đến Phật pháp, thế sự lại càng chẳng tưởng đến. Việc gì cần cứ làm, làm xong không nghĩ đến nữa, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật.

Lại như pháp quán tướng và quán tượng, cứ chiếu theo Thập Lục Quán Kinh, quán mặt trời lặn, mở mắt, nhắm mắt vẫn có vàng thái dương. Dầu có quán thành vẫn là chấp tướng, để đạt đến Tây Phương phải bỏ được tướng, nhưng trừ tướng cũng chẳng để gì.

Chánh kinh:

Thí như hữu nhân, nhất chuyên vi ức, nhất nhân chuyên vong, như thị nhị nhân, nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến. Nhị nhân tương ức, nhị ức niệm thâm, như thị nữ chí tòng sanh chí sanh, đồng ư hình ảnh.

(Ví như có người, một người chuyên nhớ, một người chuyên quên, hai người như thế dù gặp cũng như không gặp, dù có thấy cũng như không thấy. Hai người nhớ nhau, hai người nhớ nghĩ nhau sâu xa, như thế cho đến từ đời này sang đời khác, giống như hình với bóng)

Ví dụ thứ nhất là Phật nghĩ đến chúng sanh, nhưng chúng sanh trọn chẳng nghĩ đến Phật. Nếu cả hai nhớ nghĩ lẫn nhau bèn cảm ứng đạo giao. Cha mẹ nghĩ đến con cái thì chỉ một đời, đời sau chẳng còn gặp gỡ, dầu có gặp nhau cũng chẳng nhận biết. Đối với chúng sanh, Phật nghĩ nhớ đời đời kiếp kiếp chẳng đoạn, tâm Ngài đối với chúng sanh chỉ có người chúng quả mới nhận hiểu nổi. Phật nói hết thấy pháp từ tâm tướng sanh, câu nói ấy là chân lý và cũng là sự thật. Hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian đều do tâm tướng sanh, chúng sanh là chúng sanh trong tâm Phật; chư Phật là Phật trong tâm chúng sanh, tâm tâm tương đồng. Nếu chẳng phải là tự tánh biến hiện, sẽ chẳng thể có cảm ứng. Lúc khởi tâm niệm Phật, tâm ấy biến thành cái tâm có đức Phật ba mươi hai tướng, tâm là chủ thể. Niệm Phật lâu ngày, tâm thành từ bi, tướng mạo cũng nhu hòa, thể hiện ra tướng, ta thường nói “*tướng tùy tâm chuyển*”.

Trong sách chú giải Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư viết: “*Chín phẩm vắng sanh đều là do gặp duyên sai khác*”. Vừa nghe đến pháp môn Niệm Phật, bèn tin tưởng ngay lập tức, tiếp nhận, chết một lòng niệm Phật, ấy chính là người thiện căn chín muồi, người ấy một đời niệm Phật nhất định đắc lực. Còn như người thiện căn chưa chín muồi, gặp duyên là điều rất quan trọng. Lâm chung, gặp bạn lành, nhất tâm bất loạn, niệm Phật vắng sanh, có thể lay động tức căn trong quá khứ, chuyên tâm niệm Phật mau được thành tựu.

Chánh kinh:

***Thập phương Như Lai, mẫn niệm chúng sanh, như mẫu ỨC TỬ, NHƯỢC TỬ
ĐÀO THỆ, TUY ỨC HÀ VỊ?***

(Mười phương Như Lai nghĩ thương chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn đi, dù nhớ làm gì được?)

Mẹ con tử dụ thân thiết nhất, mẹ nào chẳng nghĩ đến con! Từ xưa đến nay, lòng mẹ u mê, đâu biết con chẳng nghĩ đến mình, vẫn cứ canh cánh, chẳng buông bỏ được. Ví Phật với mẹ, nhưng chẳng phải là chỉ thương nhớ một đời.

Chánh kinh:

Tử nhược ỨC MẪU, NHƯ MẪU ỨC TỬ, MẪU TỬ LỊCH SANH, BẤT TƯƠNG VỊ VIỄN.

(Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, mẹ con đời đời chẳng trái xa nhau)

Ở đây ví dụ cả mẹ lẫn con cùng nhớ chẳng xa lìa, tự nhiên cảm ứng đạo giao, ắt có thể thấy Phật vắng sanh. Chúng ta phải thể hội sâu xa: Vì sao niệm Phật nhất định được vắng sanh? Vì sao mười phương Như Lai riêng khen ngợi đức Di Đà?

Cao Tề là vương triều do Cao Hoan thành lập vào thời đại Nam Bắc Triều trong lịch sử, quốc hiệu là Tề. Đương thời, có vị Đại Hạnh hòa thượng nói: “*Tin - nhớ hai chữ chẳng lìa nơi tâm, xưng - kính hai chữ chẳng lìa nơi miệng*”. Chẳng cần nghĩ gì khác, ngay cả với Đại Thừa Phật pháp cũng chẳng tương đến. Đại Thừa dạy chúng ta vượt thoát luân hồi, nhưng quý vị có vượt thoát được chưa? Muốn vượt thoát luân hồi phải đoạn phiền não, chưa đoạn phiền não thì tất cả trí huệ đều là gọi là tà trí huệ, chỉ tăng trưởng tà tri, tà kiến. Thanh Lương đại sư nói: “*Có hiểu nhưng không hành, tăng trưởng tà kiến*”. Phật nói thất tình, ngũ dục chẳng đoạn, quả báo của quý vị vẫn là Dục Giới, chẳng thể đạt tới Sắc Giới. Đoạn ngũ dục mới có thể lên tới trời Sơ Thiên. Nếu người ta nói quý vị một câu nghe chẳng thuận tai, trong tâm quý vị vẫn còn chút phần chẳng cao hứng, quý vị chẳng thể lên được trời Sơ Thiên.

Trong truyện ký về ngài An Thế Cao có đoạn kể: Có lần ngài xuống Cửu Giang thuộc Giang Nam để độ bạn đồng học. Người đồng học đó làm Long Vương; trong quá khứ, ông ta là người xuất gia, hiểu kinh, thích bố thí, có một lần ra ngoài khất thực, cơm, thức ăn không ngon, trong tâm rất bực bội. Bởi một niệm tâm sân hận đó, chết đi lạc vào đường súc sanh, biến thành đại mãng xà, làm Long Vương ở Cửu Giang. Do ông ta hiểu kinh, nên có trí huệ, rất linh, nhang đèn cực thịnh. Chỉ vì sân tâm quá nặng, thuyên phu nào chẳng lạy ông,

ông sẽ lật thuyền đó để trừng phạt. Bởi thế, đến khi hết thân rấn, ắt đọa địa ngục.

Các vị nghĩ coi: Khắt thực chẳng vừa ý, mới khởi lên một niệm nóng giận, còn mắc phải báo đó, chúng ta phải nên kiêng dè. Tu hành là khử sạch tham, sân, si. Tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm từ bi, tu tâm hoan hỷ, mới có thể sửa đổi được tập khí bệnh căn của chính mình. Tất cả hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng tốt, nhưng thực tại, chúng ta chẳng có biện pháp gì để đoạn phiền não. Một câu Phật hiệu có thể đè nén tham, sân, si, ngũ dục, lục trần, chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm. Một ý niệm vừa khởi, trong ý niệm thứ hai bèn niệm Phật hiệu. Niệm niệm liên tục, niệm Phật đắc lực hay không là do đây.

Vạn phần chẳng để Phật hiệu vẫn niệm, nhưng phiền não vẫn khởi tác dụng. Luôn luôn nỗ lực, luôn luôn buông xuống. Hiểu lý mới có thể buông xuống, mới có thể khuất phục được phiền não. Phải thường luôn bồi đắp, điều thứ nhất là phải đọc kinh, trong kinh đức Phật dạy chúng ta chân tướng của nhân sanh, vũ trụ, thế gian, xuất thế gian. Đọc kinh nhằm mục đích thấy rõ toang, buông xuống, sau đây dùng một câu Phật hiệu để giúp chúng ta vượt thoát tam giới.

Hòa Thượng Đại Hạnh nêu lên bốn chữ “*tin, nhớ, xưng, kính*”, xem Vãng Sanh Truyện, ta thấy những người niệm Phật vãng sanh trong các đời nói chung đều đã thực hiện được bốn chữ ấy. Lại kiểm điểm mình, nếu mình làm chưa được, chỉ đành đợi đến những đời sau, nhưng đời sau có được thân người, có gặp được Phật pháp hay không đều là những nan đề cả! Bởi thế, nhất định phải nắm lấy cơ hội này, trọn chẳng để vuột mất.

Chánh kinh:

Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật.

(Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, [sẽ trong] hiện tại hay trong tương lai, nhất định thấy Phật)

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Một câu chuyên niệm*”. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “*Nhất tâm hệ niệm*”. Kinh A Di Đà (bản dịch của ngài La Thập) chép: “*Nhất tâm bất loạn*”. Văn tự ba kinh tuy đây kia sai khác, nhưng ý nghĩa tương đồng. Kinh điển dạy chúng ta phải chú trọng cương lĩnh tu hành, nếu muốn đạt được lợi ích công đức thù thắng, nhất định phải hiểu phương pháp tu học thì mới hòng mãn nguyện.

Chú tâm xem kỹ kinh điển, ta thấy trọng điểm chính là nhất tâm, chẳng những nhất tâm khi niệm Phật, ngay cả trong sanh hoạt thường ngày cũng phải

nhất tâm. Niệm Phật chẳng qua chỉ là phương cách để huấn luyện nhất tâm đó thôi, chỉ có mỗi một niệm này, không còn niệm nào khác. Niệm niệm nối tiếp nhau, thành tựu tam-muội, trong hết thầy thời, hết thầy nơi, trong cảnh thuận hay cảnh nghịch đều giữ được nhất tâm. Công phu niệm Phật thành phiến, liền có sức để hàng phục phiền não, đó gọi là Sự Nhất Tâm. Cổ đại đức tán thán pháp môn này đều tán thán nơi một điểm sau: nhờ vào chút công phu bèn có thể siêu xuất tam giới.

“Sẽ trong hiện tiền hay trong tương lai, nhất định thấy Phật”. Thấy Phật là trong mộng thấy hoặc là trong định thấy. Định là tâm chẳng tán loạn. Kinh Hoa Nghiêm có đoạn chép khi Thiện Tài tham phỏng trưởng giả Uất Hương, vị đại đức ấy thích ra chợ để tu định tại đó. Lại như trong các bức bích họa ở Đôn Hoàng, Phật giảng kinh, thuyết pháp, trên trời có thiên nữ vừa ca vừa múa. Tu học ở mức độ cao chẳng giống với kẻ sơ học. Kẻ sơ học nhất định phải tìm cách xa lìa xã hội nhiều nhường, đây là điểm khác biệt giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa. Trong hiện tại, tu học nếu thành tựu thì so ra sẽ cao hơn cổ nhân nhiều lắm. Nếu tu chẳng thành tựu, lui sụt cũng lẹ.

Kể đó, trong mộng thấy Phật cũng là tướng lành tốt phi thường, nhưng ngẫu nhiên gặp thì được, nếu thường thấy chỉ sợ là cảnh ma. Học pháp môn Tịnh Độ có Phật, Bồ Tát gia bị, ma chẳng dám đến dụ hoặc. Kinh Lăng Nghiêm dạy rất tường tận. Người niệm Phật lúc lâm chung, ắt được Phật A Di Đà đến đón; nếu thấy bất cứ vị Phật hay Bồ Tát nào khác đến đón đều chẳng muốn theo, chỉ đợi A Di Đà Phật, các cảnh giới tốt đẹp khác bất tất phải quan tâm đến. Huệ Viễn đại sư, sơ tổ Tịnh Tông, lúc lâm chung nói: Một đời Ngài thấy Phật A Di Đà ba lần, còn thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa, hoàn toàn giống như kinh nói.

Nhất tâm nhất ý chuyên niệm Tịnh Độ ngũ kinh, niệm đủ cả năm bộ cũng được, chọn lấy bất cứ bộ nào để niệm cũng được. Người niệm Phật thì nhiều nhưng vãng sanh thì ít, nguyên nhân là do miệng niệm nhưng tâm không niệm. Trong tâm thanh tịnh, bình đẳng, đại từ, đại bi, mới xứng là tâm niệm Phật, bởi lẽ tâm giống như tâm Phật. Tâm và nguyện đều giống với Phật thì Chân Như bản tánh hiện tiền, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Giống như Thiên Tông “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”; chúng ta dùng một câu A Di Đà Phật cũng có thể đạt được. Vị Phật ấy là “phần chứng Phật”, chẳng phải là viên mãn Báo Thân Phật, chỉ là sơ trụ phần chứng Phật, vẫn còn có bốn mươi hai giai đoạn mới viên mãn.

Có những kẻ cả đời niệm Phật nhưng chẳng thể vãng sanh, nguyên nhân nói đại lược gồm 4 điều:

1. Một là vì niệm Phật chẳng tinh thành, niệm thứ nhất vừa mới tinh thuần, niệm thứ hai bèn xen tạp.

Lịch đại tổ sư đại đức đều là bậc thông Tông, thông Giáo, sau khi hiểu rõ Tịnh Độ bèn buông bỏ hết những thứ khác, chuyên tu Tịnh Độ. Trong những trước tác của đại sư Liên Trì, tinh hoa là bộ Di Đà Sớ Sao; trước tác tối trọng yếu của đại sư Ngẫu Ích là Di Đà Yếu Giải, Ấn Quang đại sư vào tuổi già chỉ dùng một bộ kinh A Di Đà, một câu Phật hiệu, ngoài ra chẳng còn có gì khác nữa.

2. Hai là vì sanh nghi, chẳng dốc lòng tin.

Tuy tu Tịnh Độ, cũng chịu niệm Phật, nhưng chẳng thể hoàn toàn tin mình có thể vãng sanh. Chỉ cần có một điểm nghi tình, lúc lâm chung dù có phước báo, thân không bệnh khổ, trí não sáng suốt, nhưng chỉ có thể sanh về biên địa. Kẻ phước báo kém hơn, thân trí chẳng sáng suốt, nghi chướng nổi lên, liền chẳng được vãng sanh. Nếu muốn phá trừ những nghi chướng ấy, hãy nên thâm nhập, nghiên cứu kinh giáo và tìm đọc những chuyện vãng sanh thật sự.

3. Thứ ba là do chẳng có nguyện vãng sanh.

Chẳng nguyện vãng sanh là mâu thuẫn với niệm Phật, dùng việc niệm Phật để tu phước, tương lai làm một con quỷ giàu có, có kẻ còn mong sanh lên trời, hy vọng tương lai hưởng phước trời, cầu phước báo trong cõi trời, cõi người.

4. Điều thứ tư là vì chẳng thể đoạn tham ái.

Tham cầu các thứ hưởng thọ trong tam giới lục đạo, phạm phu tham ngũ dục lục trần thế gian, người cõi trời tham phước báo thanh tịnh cõi trời, người Sắc Giới, Vô Sắc Giới tham hưởng thọ Thiên Định. Có tham ắt thành chướng ngại, chẳng thể vãng sanh.

Người tu Tịnh Độ chân chánh, ma chẳng dám đến nhiều loạn. Thứ nhất là do niệm lực, tức là như kinh này nói: “*Nhớ Phật, niệm Phật*”. Thứ hai là bản nguyện có Phật tánh lực, điều được niệm là tự tánh Phật, thanh tịnh bình đẳng đại từ bi là Phật. Thứ ba là được bản nguyện của chư Phật gia trì. Với sức bản nguyện oai thần gia trì của mười phương ba đời hết thầy Như Lai, ma dù có sức cũng chẳng thể đến nhiều loạn.

Tập khí mang theo từ nhiều đời nhiều kiếp; nếu thường khởi ác niệm, thường gặp ác mộng, đầy đủ đều là do ác nghiệp quá khứ, phải nỗ lực tu pháp môn sám hối. Chắc thật niệm Phật là chân sám hối. Niệm tướng hảo của Phật để đối trị hôn trầm, niệm công đức của Phật để đối trị vọng tưởng. Cảnh thuận nghịch trong một đời chẳng nhất định, hãy nhớ kinh Kim Cang dạy: “*Hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Vinh hoa phú quý thế gian là vương bận, có ai thỉnh mình làm Đại Phạm Thiên Vương mình cũng chẳng làm. Bệnh khổ

cũng là một duyên gây thoái thất, đừng nghĩ tới nó, hãy nghĩ tới tướng hảo trang nghiêm của đức Phật.

Trong Quán Kinh Trục Chi, ngài Từ Vân đại sư đời Thanh nói: “*Người thế gian nghiệp chướng sâu nặng, lúc hết thấy kinh chú sám pháp đều chẳng thể tiêu trừ được thì rút cuộc một câu Phật hiệu có thể tiêu sạch, phương pháp hữu hiệu nhất là niệm Phật*”.

Chánh kinh:

Khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai.

(Cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ đến phương tiện, tâm được tự khai)

Sự Niệm, niệm đến một công phu nhất định, sẽ nhập vào Lý Niệm, có thể thấy được Pháp Thân và Báo Thân Phật. Công phu chẳng đạt tới mức, chỉ thấy được Ứng Hóa Thân Phật. Trong số luận, tổ sư đại đức nói niệm Phật niệm đến Sự Nhất Tâm Bất Loạn, là nói về thượng phẩm Sự Nhất Tâm, đã đoạn Kiến Tư phiền não, thấy được Ứng Hóa Thân Phật. Nếu niệm đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn, thấy được Báo Thân Phật, Pháp Thân Phật. Cái gọi là “kiến tánh thành Phật” chính là thấy được đức Phật nơi tự tánh, Phật tâm bình đẳng thanh tịnh, tự tánh thật và Phật là một.

Phật tâm bình đẳng, quyết chẳng có phân biệt, chấp trước, nguyện đồng Phật nguyện. Hết thấy các kinh Phật nói đều do trong tự tánh tự nhiên lưu lộ ra. Nếu ai nhập được cảnh giới này, mở xem kinh Phật, thấy những điều Phật giảng hoàn toàn giống với kiến giải của chính mình, bởi lẽ tự tha bình đẳng.

Một câu Phật hiệu chính là phương tiện thù thắng, lạ lùng, chẳng cần nhờ vào phương tiện, pháp môn khác nào để hỗ trợ. Niệm Phật chính là niệm tâm, tâm và Phật không khác, tự - tha bất nhị, bởi thế chẳng cần có ông Phật nào khác ở ngoài tâm để làm phương tiện. Nếu tự và tha là hai pháp thì chẳng phải là Phật pháp, Lục Tổ bảo như thế. Những điều được nói trong Đàn Kinh toàn là nguyên lý, nguyên tắc, bất cứ Phật pháp Đại Thừa nào cũng chẳng thể trái nghịch những nguyên lý, nguyên tắc được nói trong kinh ấy.

Chánh kinh:

Như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tắc danh vi Hương Quang Trang Nghiêm.

(Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đó gọi là Hương Quang Trang Nghiêm)

Phân trên, Đại Thế Chí Bồ Tát đã trình bày toàn bộ phương pháp tu học và hiệu quả tu học của chính mình rồi; giờ đây, Ngài đem danh xưng của pháp môn này bảo với chúng ta. Hai câu đầu là tỷ dụ. Hai câu sau nêu danh xưng của pháp môn này: Hương Quang Trang Nghiêm. Thân gần gũi thân Phật (Giới), tâm khai Phật tâm (Định - Huệ). Lời lẽ, hành vi của Phật đều từ tâm thanh tịnh phát khởi, trọn chẳng lầm lỗi, đáng là giới luật cho thế gian.

Luận trên mặt chân tâm, tâm Phật và tâm chúng không hai, không khác. Phật giác ngộ hoàn toàn; tướng của Giác là Định, tướng của Mê là động. Tâm bất động gọi là Định, tác dụng của nó là trí huệ chân thật. Trí huệ thông minh của phàm phu là dùng tưởng tượng, dùng tư duy, dùng suy tưởng, nên gọi là thế trí biện thông. Tâm định như gương, tịnh như nước lặng, thấy được chân tướng sự thật, cũng có thể thấy được quá khứ, vị lai. Tam thể, mười phương là “*bất tương ưng hành pháp*”, nói theo cách bây giờ là khái niệm trừu tượng, chẳng phải thực sự tồn tại.

Cương lĩnh giáo dục của đức Phật trong bốn mươi chín năm trên đời là: Có Định, có Huệ, tâm liền khai mở Phật tâm! Nếu ngôn ngữ, hành vi chúng ta tương ứng với giới luật thì gọi là thân gần thân Phật, như người nhiễm hương. Hết thấy pháp của Đức Phật nói do vì sự, do vì người, do vì địa bất đồng nên [nhiều] vô lượng vô biên, nếu nắm được tư tưởng trung tâm (tức điều cốt lõi) của chúng thì hết thấy ngôn hạnh sẽ tương ứng với Phật pháp.

Đại Tạng Kinh có mấy ngàn quyển, không cách gì đọc tụng khắp hết được, thông thường chúng ta chỉ có thể học tập chưa đến năm mươi bộ. Con người hiện tại rất bận bịu, chẳng thể có đủ thời gian để nghiên cứu kinh lớn, luận lớn. Kinh Vô Lượng Thọ số chữ không nhiều, nhưng bao quát hết thấy nguyên tắc, lý luận, nếu có thể đọc thuần thục bộ kinh này, thâm nhập lý giải kinh đó thì tốt lắm.

Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ Đề tâm hương trừ được các nhiệt não: tham, sân, si v.v... Bồ Đề là giác. Tâm Bồ Đề đối trị tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, có thể làm cho chúng sanh đầy đủ trí huệ, thanh lương, không nhiệt não. Bồ Đề tâm thể và dụng rộng lớn, chứa đựng cả thái hư. Hiện tại chúng ta chỉ mê thích cái nhỏ nhoi, chỉ nghĩ đến bản thân, nhà cửa của mình, bởi thế phải lưu chuyển trong lục đạo, chẳng thể xuất ly. Lục đạo sanh từ mê, nếu chẳng mê thì đại thiên thế giới cũng chẳng có. Là phàm hay thánh chỉ trong khoảng mê hay ngộ, Tứ Thánh là giác, lục đạo là mê. Chân chánh giác ngộ liền có thể vượt thoát lục đạo.

Hòa Thượng Hư Vân một năm tắm một lần, cạo tóc một lần. Nghe nói thân ngài có mùi thơm, y phục cũng có mùi thơm. Chúng ta ba ngày chẳng tắm giặt, bốc mùi khó chịu đựng nổi. Chúng ta vào chùa nếu thấy có treo tấm biển Hương Quang Thất, ta biết nơi đó là đạo tràng niệm Phật.

Chánh kinh:

Ngã bồn nhân địa, dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhân.

(Nhân địa của con, dùng tâm niệm Phật, nhập Vô Sanh Nhân)

Pháp môn Niệm Phật chẳng giống với bất cứ pháp môn nào khác. Mọi pháp môn đều là tu nhân chứng quả, nhân quả chẳng đồng thời. Pháp môn Niệm Phật là nhân quả đồng thời, gọi là “*triệt quả hạch nhân*”. Phật hiệu đây chẳng phải chỉ là đức hiệu của riêng A Di Đà Phật khi Ngài chứng quả, mà còn là đức hiệu chứng đắc nơi quả vị của mười phương chư Phật Như Lai. Chúng ta lấy quả làm nhân, nên chẳng giống với bất cứ pháp môn nào khác.

Niệm Phật trọng tại niệm tâm, nhưng chẳng thể phé khẩu niệm. Tâm và miệng phải tương ứng nhau, phải như một, miệng đọc suông là vô ích, nhất định phải miệng niệm tâm ứng, chẳng thể dùng cái tâm ý thức phân biệt để niệm, mà phải nhiếp trọn sáu căn nhất tâm bất loạn mà niệm. Hai mươi lăm vị Bồ Tát trong kinh Lăng Nghiêm đều là Pháp Thân đại sĩ, các Ngài chẳng có vọng tâm, chân tâm đã hiển lộ. Dù chúng ta chưa đạt tới cảnh giới của các Ngài, nhưng muốn học theo thì trọng yếu nhất là chắc thật niệm Phật.

Phương pháp [niệm Phật] rất nhiều, trong quá khứ, tại chùa Linh Nham ở Tô Châu có một tấm bia đá khắc một bài kệ, dạy người đời phương pháp niệm Phật, chẳng cần phải đếm số, chỉ quán tưởng màu sắc, mùi thơm, ánh sáng của hoa sen. Căn cứ vào kinh Di Đà nói trong ao bảy báu có hoa sen: màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng. Niệm A Di Đà Phật câu thứ nhất tưởng hoa sen màu xanh ánh sáng xanh, niệm sang câu thứ hai tưởng hoa sen vàng ánh sáng vàng, câu thứ ba tưởng hoa sen đỏ ánh sáng đỏ, câu thứ tư tưởng hoa sen màu trắng ánh sáng trắng. Theo thứ tự đó, hết một vòng lại trở về đầu, luân lưu quán tưởng, dùng phương pháp này để nhiếp trọn sáu căn, chẳng cần phải đếm số. Ấn Quang đại sư nói cách niệm này phù hợp ý kinh.

“Ngộ” là ngộ nhập, chia thành giải ngộ và chứng ngộ. Đoạn nghi sanh tín, gọi là giải ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa đoạn, vẫn còn chướng ngại trí huệ thanh tịnh, chướng ngại vãng sanh thành Phật, cần phải chân chánh khế nhập cảnh giới Phật. Kinh Lăng Nghiêm giảng về chân tướng của vũ trụ nhân sanh, phương pháp và trình tự tu hành tường tận hơn các kinh khác. Kinh Hoa Nghiêm nói tu hành có năm mươi hai địa vị, nhưng kinh Lăng Nghiêm nói đến

sáu mươi địa vị, tử mĩ hơn kinh Hoa Nghiêm. Trong kinh Hoa Nghiêm, trước địa vị Thập Tín có ba địa vị tiệm thứ (tiền dần dần). Ba địa vị tiệm thứ ấy chính là cơ sở tu hành, như các lớp dự bị đại học.

Thứ nhất là tu tập, mục đích trước hết là trừ các trợ duyên của tập khí phiền não. Chẳng hạn như người tu hành phải đoạn ngũ tân (năm thứ hôi nồng). Ngũ tân là hành, tỏi, kiêu, hẹ, hưng cừ (9), đều là những thứ trợ duyên bất hảo, nên gọi là các thứ rau hôi. Ăn sống can hòa dễ động, ăn chín làm cho hormone tăng thêm, có thể gây nên những xung động tình dục.

Thứ hai là chân tu, chân tu là dùng cái tâm chân thật để tu. Trước hết, nhất quyết phải trì giới, giữ bốn giới trọng “*giết, trộm, dâm, dối*”, nặng nhất là tội đại vọng ngữ: chưa chứng báo là đã chứng. Như Vĩnh Minh đại sư là A Di Đà Phật tái lai, một khi thân phận bị lộ Ngài bèn viên tịch. Bồ Đại hòa thượng xuất hiện dưới thời Nam Tống, là Di Lạc Bồ Tát tái lai, chính Ngài tự nói ra, nói xong bèn viên tịch. Kẻ nào nói xong chẳng viên tịch thì đích thực là giả mạo.

Thứ ba là tăng tấn, dùng sức định huệ đoạn trừ nguồn ác, không ngừng cầu tiến lên, xa lìa tập khí phiền não của chính mình, sau đây mới nhập địa vị Thập Tín. Dù có viên mãn địa vị Thập Tín, vẫn chỉ thuộc về Giải vị (địa vị mới giải ngộ, chưa thật chứng), trọn chưa kiến tánh, chưa tự thấy hiệu chân tướng của vũ trụ, nhân sanh. Từ Sơ Trụ trở lên, phá một phần vô minh, thấy một phần bản tánh, mới tính là thật chứng.

Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác gọi là chứng nhập, cho đến địa vị bốn mươi một của hàng Pháp Thân đại sĩ. Tiểu thánh đã chứng Nhân Không, nhưng chưa chứng nhập Pháp Không, chẳng qua là giải ngộ, phá được Ngã Chấp, nhưng chưa thể trừ được Pháp Chấp.

Tiêu chuẩn nhập Vô Sanh Pháp Nhẫn trong kinh Nhân Vương khá cao: phải đạt đến Thất, Bát, Cửu Địa mới được tính là chứng nhập, dùng tịnh niệm chân chánh để trừ diệt tà kiến, vọng tưởng, và các thứ nhiễm ô tư tưởng, kiến giải nơi tâm lý, tinh thần. Trước kia thấy thế giới là đời ác năm trước, bây giờ, tâm thanh tịnh rồi, thấy thế giới là thanh tịnh, tâm thanh tịnh thế giới cũng thanh tịnh, hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng. Tâm là máu chột, nội pháp ngoại pháp đều không, hết thấy vô sanh, đó là cảnh giới của bậc từ Thất Địa trở lên. Không thể không biết cương lĩnh tu học như thế, trong lúc niệm Phật, bất cứ chuyện gì chẳng được nghĩ đến.

Có kẻ nói càng niệm Phật vọng tưởng càng nhiều, đó chỉ là lúc bình thường chẳng hay biết đầy thôi, nào phải bình thường chẳng có vọng tưởng. Lúc niệm Phật, y báo, chánh báo trang nghiêm của Tây Phương đều có thể dùng để tưởng được cả, chẳng riêng gì hoa sen, nhưng chỉ nên tưởng một thứ, bởi mục đích là để dẹp tạp niệm.

Kinh Hoa Nghiêm giảng Vô Sanh Pháp Nhãn là chẳng thấy có chút pháp nào sanh, cũng chẳng thấy chút pháp nào diệt. Đó là nói đến hiện tượng của Vô Sanh Pháp Nhãn. Khi nào quý vị thấy cùng tột hư không khắp pháp giới chẳng có chút pháp nào sanh, cũng chẳng thấy có chút pháp nào diệt, quý vị đã chứng đắc cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô sanh vô diệt mới là chân tướng, có sanh có diệt là sự hiểu lầm của chúng ta; nhưng nếu ta chưa tự chứng cảnh giới này, rất khó hiểu được nổi.

Nói chung, tâm ta và tâm Phật, tâm Bồ Tát chẳng khác gì, nhưng tâm Phật, tâm Bồ Tát bất động, tâm bất động là chân tâm, những điều được thấy đều là tướng chân thật. Tâm chúng ta là tâm sanh diệt, tâm hư vọng, nên toàn thấy những tướng hư vọng, đến khi nào chúng ta tu định đạt đến trình độ tương đương, tự mình chứng đắc rồi thì mới có thể hiểu rõ lý luận này. Kinh Đại Thừa nói: “*Phật chẳng độ chúng sanh*”. Ngài chỉ giảng rõ chân tướng chính Ngài đã tự chứng, chúng ta có tự chứng được hay không là do công phu của chính mình.

Không sanh, không đến, lìa dục, không nguyện đều là “không”, đây là nói theo mặt Lý. Không diệt, không tận, không đi là “chẳng không”, đây là luận trên mặt Sự. Ly cấu, vô biệt, vô xứ, tịch tĩnh, vô trụ, không nhưng chẳng không chính là Trung Đạo. Sự là có, nhưng thể của nó là không. Sự từ đâu có? Phật nói vạn pháp do nhân duyên sanh. Bất cứ một pháp nào sanh khởi đều có vô lượng nhân duyên. Cái gì sanh bởi nhân duyên ắt không có tự thể, tức là không! Đừng hiểu Không là không có gì. Không là Có, chỉ vì sáu căn của chúng ta chẳng tiếp xúc được nên tạm gọi là Không, chứ chúng thật sự là Có. Nếu hiểu rõ được sự thực, liền có thể sử dụng Trung Đạo, chẳng nghiêng lệch về Không Lý hay chấp vào Giả Tướng.

Nho gia nói đến đạo Trung Dung, nhưng chưa thấu triệt Phật pháp. Châu Hy là người đời Tống, cũng từng học Phật, bỏ không ít công phu học Phật, bộ Tứ Thư do ông ta biên soạn nhất định chịu ảnh hưởng cách chỉ dạy trong kinh Hoa Nghiêm, nhưng tôi chưa dám khẳng định, bởi lẽ kết cấu Tứ Thư rất giống với kinh Hoa Nghiêm. Điểm đặc sắc lớn nhất của kinh Hoa Nghiêm là có lý luận, có phương pháp, lại còn có cả biểu diễn nữa. Năm mươi ba lần tham học của Thiên Tài đồng tử là biểu diễn, ứng dụng lý luận vào sanh hoạt thường nhật.

Kết cấu của Tứ Thư cũng giống như vậy, Trung Dung là lý luận, Đại Học là phương pháp, Luận Ngữ và Mạnh Tử là biểu diễn, thuyết minh thánh hiền vận dụng cái đạo Trung Dung trong sanh hoạt thường nhật như thế nào. Khổng Tử đãi người tiếp vật cả một đời đều tuân thủ cái đạo Trung Dung. Thời xưa, đế vương đều lấy lễ trung hòa để trị thiên hạ. Ba ngôi đền lớn trong hoàng cung Bắc Kinh có tên là Thái Hòa điện, Trung Hòa điện và Bảo Hòa điện.

Chánh kinh:

Kim u thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy u Tịnh Độ.

(Nay trong cõi này, nhiếp người niệm Phật quay về Tịnh Độ)

Ba câu này nêu rõ nhiệm vụ của Bồ Tát khi vào trong thế giới này: Chỉ dạy chúng sanh y giáo phụng hành, ai nấy đều có cơ hội giác ngộ chân tướng của nhân sanh vũ trụ, viên thành Phật đạo. Việc giáo hóa chúng sanh này cũng có thể gọi là gia nghiệp của Như Lai. Thế giới này là thế giới ngũ trược ác khổ, kinh Vô Lượng Thọ mô tả là “*ngũ thống, ngũ thiêu*” (năm điều đau đớn, năm điều thiêu đốt). Sống trong thời đại này, mức độ ác trược càng sâu càng mạnh, chẳng luận trong nước hay ngoài nước, tánh tình con người tham, sân, si mạn tăng trưởng không ngừng. Ở những nơi tôi đi đến và có dịp quan sát, lại càng thấy đáng sợ vô cùng. Ác trược đã đạt đến mức độ tương ứng thì hậu quả là khó tránh tai nạn phát sanh, con người hiện tại phải nên cảnh tỉnh.

Chữ “*Tịnh Độ*” chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thuộc vào địa cầu này, chẳng thuộc trong Thái Dương Hệ, cũng chẳng thuộc trong Ngân Hà Hệ. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho rằng Ngân Hà Hệ bất quá chỉ là một đơn vị thế giới mà thôi. Khu vực giáo hóa của một đức Phật gồm một trăm ức Ngân Hà Hệ. Bài văn này của cụ được in trong phần phụ lục cuốn chú giải kinh Vô Lượng Thọ. Ở phương Tây bên ngoài đại thiên thế giới của chúng ta, cách xa mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới Cực Lạc rộng lớn, là khu vực giáo hóa của đức Phật A Di Đà, khoảng cách giữa thế giới Cực Lạc và địa cầu của chúng ta là một con số thiên văn (ý nói rất lớn) làm sao có thể đến được nổi? Quý vị đọc kinh Đại Thừa liền biết: Muốn đến được Cực Lạc chẳng phải là chuyện khó. Bởi lẽ, cùng tận hư không khắp pháp giới đều là vật do tâm tánh ta biến hiện, chẳng cần biết khoảng cách xa hay gần, đều chẳng thể vượt khỏi phạm vi của tâm ta. Đã thuộc trong tâm thì trong một niệm bèn có thể đến đó được.

Tốc độ của niệm lực cùng khắp, không có vật chất gì có thể so sánh được. Trong mỗi giây, ánh sáng có thể đạt đến tốc độ ba mươi vạn dặm, nhưng niệm lực nơi tâm trong khoảng sát na, chưa đến một giây, đã có thể trọn khắp vô tận hư không pháp giới. Phật dạy cho chúng ta biết bản năng này của nhân loại; Phật chỉ dạy chúng ta cách khôi phục bản năng của chính mình. Nếu nói đức Phật có thể ban cho chúng bất cứ vật gì, nói như vậy là lừa người, bởi thế mới nói trong Phật pháp không có mảy may mê tín nào cả!

Trong hư không, địa cầu vô cùng nhỏ bé, các tôn giáo khác tin kính Nước Trời, trời phải đâu chỉ có một, đức Phật nói có hai mươi tám cõi trời, mỗi tầng trời đều có hoàn cảnh sanh hoạt riêng, kinh Phật mô tả cực tường tận. Không gian hoạt động thật sự của chúng ta có phạm vi cực rộng, mỗi một tinh cầu trong hư không đều liên quan đến ta. Có vị đồng học bảo tôi, các nhà khoa học Tây Phương dùng phương pháp khoa học, truy tìm quá khứ của một người, chứng minh con người thực sự có chuyển thế, có người đời trước là người ở địa

phương nào đó, có người từ trong đường súc sanh mà đến, lại còn có người từ tinh cầu khác sanh về đây. Không gian lớn vô hạn, lẽ tự nhiên là người trên địa cầu có thể từ tinh cầu khác sanh vào đây.

Nói trên mặt Sự, cõi này là quán trọ, Tịnh Độ là quê nhà. Quán trọ và quê nhà phải dùng thời gian mà luận, người sống trong thế giới này mang tánh cách tạm thời, sau khi đến Tây Phương, thọ mạng vô hạn, thời gian dài lâu mới là quê nhà. Mê thì đánh mất phương hướng, giác ngộ rồi không ai là chẳng hỏi đầu, thầy đều muốn trở về Tây Phương cả.

Đại Thế Chí dùng sức bốn nguyện oai thần gia trì người niệm Phật, nhưng người niệm Phật vẫn cứ phiền não, vẫn có thoái chuyển, vẫn có tâm tham luyến. Đây chẳng phải là nguyện lực của Bồ Tát có vấn đề, mà là do nghiệp chướng tập khí của chính mình quá nặng. Phật, Bồ Tát không có ý niệm cưỡng bách một cá nhân nào phải làm như thế này, như thế nọ. Nếu các Ngài có ý niệm như thế, tâm các Ngài chẳng thanh tịnh. Phật, Bồ Tát là thầy, chúng ta phải thành khẩn tiếp nhận lời dạy răn của các Ngài, làm theo.

Chương kinh văn này chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, nhưng nếu hiểu rõ ý nghĩa, y theo phương pháp lý luận kinh dạy đề tu học thì chính là được Đại Thế Chí Bồ Tát gia trì. Y theo đây tu học ắt chẳng bị thoái chuyển, công phu tự nhiên đắc lực, lâm chung các Ngài ắt đến tiếp dẫn.

Có năm pháp môn thấy được đức Phật trong năm cõi, cổ đức có nói như vậy, riêng nêu tại đây để mọi người cùng tham khảo, nhưng bắt tất phải học theo, chỉ để sau này có ai nhắc đến, chúng ta khỏi bỡ ngỡ, việc tu hành của chính mình đương nhiên phải lấy lời Phật làm chuẩn mực. Năm pháp môn đó là:

- Nhớ tưởng ngoại cảnh niệm Phật.
- Nhiếp cảnh quy tâm niệm Phật.
- Tâm cảnh dung thông niệm Phật.
- Tâm cảnh cùng mắt niệm Phật.
- Viên dung vô tận niệm Phật.

Đầy đủ ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh, ba diệu huệ Văn - Tư - Tu, mới gọi là người niệm Phật. Nếu chỉ là miệng niệm Phật suông, trong tâm suy nghĩ lung tung, Đại Thế Chí chẳng biết làm cách nào! Tu Tịnh Độ phải có đủ điều kiện Tịnh Độ, tức là ba tư lương. Thật sự tin có Phật A Di Đà, lòng tin hoàn toàn thành khẩn; nguyện học theo A Di Đà Phật, thật sự nguyện sanh về Tây Phương Tịnh Độ; Hạnh là niệm một câu thánh hiệu A Di Đà Phật này. Trong

sanh hoạt thường ngày tuân theo mỗi điều Phật dạy răn thành nề nếp. Đó là Chánh Trợ Song Tu.

Lại còn phải có ba diệu huệ Văn - Tư - Tu. Văn ngụ ý tiếp xúc, tai nghe âm, mắt thấy sắc, lấy một chữ Văn làm tiêu biểu cho tất cả nên gọi là Văn. Tư ngụ ý hiểu rõ, chứ không phải là suy xét, suy xét là thuộc về thức thứ sáu. Một phen tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ xong, tu hành quyết định chẳng mê. Văn - Tư - Tu đồng thời. Đây là cách tu hành của Bồ Tát, khi vãng sanh, quá nửa sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm độ, thuộc về Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Ngẫu Ích đại sư nói: *“Niệm Phật dù hữu niệm thì rốt cuộc cũng nhất định đạt đến vô niệm; từ Sự niệm rốt cuộc cũng nhất định đạt đến Lý Niệm”*.

Tịnh Tông Học Hội đòi hỏi người niệm Phật phải có đủ năm đức, ba phước, lục hòa, tam học, lục độ, thập nguyện, một bề chuyên niệm cầu sanh Tịnh Độ. Lấy Phật làm cảnh, tâm nguyện giải hạnh, mỗi mỗi đều giống như Phật mới là người niệm Phật chân chánh. Đây là những điều chúng tôi đề xướng bao năm qua. Trong thế giới ác trược này, khởi tâm động niệm, xử thế đãi người, tiếp vật như thế nào, sao cho cõi lòng chúng ta vẫn thanh tịnh vô nhiễm, thành tựu trí huệ công đức thì những điều kiện vừa nói ở phần trên rất trọng yếu.

Thứ nhất là năm đức, đó là căn bản lớn lao để làm người. Đó chính là thái độ xử thế đãi người cả một đời của vị Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Phu Tử. Mọi đệ tử của Khổng đều công nhận thầy mình có năm đức, tức là Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng (ôn hòa, hiền lương, cung kính, tiết kiệm, khiêm nhượng), lấy tư tưởng Nho Gia làm cơ sở hòng kiến lập vô thượng Đại Thừa Phật pháp, rồi mới học những thứ khác.

Ba phước: học Phật chẳng thể không có phước báo, Phật là đấng Lương Túc Tôn, phước lẫn huệ đầy đủ. Túc có nghĩa là viên mãn. Tam phước xuất phát từ Quán Kinh, tổng cộng gồm ba điều kiện, tất cả hết thầy Đại Thừa Phật pháp đều chẳng thể không có ba thứ phước này.

1) Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp

Phật pháp truyền đến Trung Quốc, vì sao được tiếp nhận rộng khắp trong triều ngoài nội, được phát dương quang đại không ngừng là phải có lý do: Cơ sở của Phật pháp là hiếu với cha mẹ, tôn trọng thầy, Nho gia cũng thế. Nhiều điều Nho Gia đề xướng chỉ là nguyên tắc khá giản lược, kinh điển Phật giáo phong phú có thể bổ sung những điểm thiếu sót của Nho Gia. Đế vương các đời chẳng cần biết hành vi như thế nào, đều phải lấy Hiếu để trị thiên hạ.

Trên thế giới, trong bốn nước có nền văn minh lớn lao từ thời cổ, ba nước đã diệt vong, chỉ còn mình Trung Quốc tồn tại hơn năm ngàn năm, nguyên nhân

là do quan niệm hiếu thuận cha mẹ, tôn phụng sư trưởng vậy. Cơ sở để duy trì nguồn mạch đạo lý này là kiến lập từ đường. Thời cổ cúng giỗ là nhằm mục đích suốt cả đời kính nhớ nguồn gốc, hiệu quả là vun bồi dân đức sâu xa. Tổ tiên cách xa hơn ngàn năm còn chẳng quên, lẽ nào bất hiếu với cha mẹ hiện tại. [Văn minh Trung Hoa] hơn năm ngàn năm chưa bị đào thải là do dùng hiếu đạo để duy trì. Chẳng có cha mẹ, chẳng hy vọng gì con cái tốt lành; chẳng có thầy dạy chẳng hy vọng học trò giỏi giang. Con cái, học trò tiếp nhận lời chỉ dạy, nỗ lực tiến lên, kế sách công tác giáo dục trăm năm bèn thành tựu. Bởi thế, gia đình hòa thuận, xã hội yên ổn, quốc gia giàu mạnh, thế giới đại đồng, đều tạo dựng từ hiếu đạo.

Xem trong lịch sử, nếu tuân thủ lời dạy của Khổng Phu Tử để trị quốc, chỉ tuân hành được hai ba phần, quốc gia đã đại trị; những lúc trái nghịch lời dạy của Khổng Tử, quốc gia ắt bị loạn lạc. Lại còn mở rộng hiếu kính ra hơn nữa, mở rộng cái tâm hiếu thuận cha mẹ thành cái tâm hiếu thuận đối với hết thầy chúng sanh, mở rộng cái tâm kính trọng sư trưởng thành tâm kính trọng hết thầy chúng sanh, đó gọi là đại hiếu. Tâm lượng rộng mở, có hiếu kính thì mới có thể sanh tâm đại từ bi.

2) Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi

Tam Quy là quy y Tam Bảo. Ba đại cương lĩnh của Phật giáo là: Giác chẳng mê; chánh không tà, tịnh chẳng nhiễm. Về phương pháp tu học, chúng ta chọn pháp môn Niệm Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Giới luật là khuôn phép sanh hoạt, là lễ tiết oai nghi.

3) Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích sách tấn người tu học

Tam phước là luận trên phương diện tu học của chính mình. Lục Hòa là luận trên phương diện đoàn thể, là nguyên tắc đối xử giữa mọi người với nhau.

Thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải: ý kiến tương đồng, giảm thiểu tranh chấp, tức là như thường nói là hiểu biết lẫn nhau. Trước kia, đến già, đến chết không qua lại với nhau cũng chẳng thấy quan hệ gì lắm. Cận đại, khoa học kỹ thuật đột nhiên phát triển mạnh mẽ, tin tức giao thông thuận tiện, nhanh chóng, làm thế nào để hiểu biết lẫn nhau ngõ hầu giữ cho nhân loại đối xử hòa bình với nhau thật là trọng yếu. Sử gia kiêm triết học gia Anh Quốc là Thang Ân Ti đã nói trong hội nghị Nhật Nội Ngõa như sau: *“Muốn xây dựng sự hiểu biết lẫn nhau một cách hòa bình trên thế giới hiện tại và mai sau, thì rất cực phải dùng đến học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp”*.

Chủ giáo (10) Vu Bản Khu Cơ của Trung Quốc tham gia hội nghị ấy, sau khi về nước bèn đề xướng thờ cúng tổ tiên, việc thờ cúng tổ tiên trong Thiên

Chúa Giáo do đây được bắt đầu. Bởi lẽ tư tưởng Khổng Mạnh ôn hòa nên hiểu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng không ai phản đối, bất cứ tư tưởng trong nước, ngoài nước nào đều có thể xây dựng sự hiểu biết lẫn nhau. Bởi thế, sau đại hội tôn giáo chung, giáo hội Công Giáo thông tri những người có trách nhiệm ở các nơi chủ động đối thoại với Phật giáo hòng hấp thụ những kinh nghiệm của Phật giáo.

Khéo sao, tôi gặp dịp Chủ Giáo Vu Bản dự trù thành lập Sở Nghiên Cứu Đời Sống Tinh Thần Á Đông cho thần học viện Đa Mã Tư ở Phụ Đại Hậu Biên, những nghiên cứu viên của sở là những linh mục, nữ tu, tối thiểu phải tốt nghiệp đại học hoặc tốt nghiệp môn Thần Học, phục vụ ba năm; ông ta mời tôi đến dạy. Bọn họ chủ yếu là muốn nghiên cứu Phật giáo, học viên không đông, nhưng người dự thính lên đến tám, chín chục người. Thứ hai là giới hòa đồng tu (cùng hòa kính gìn giữ giới luật), thứ ba là thân hòa đồng trụ (hòa kính cùng ở chung với nhau), thứ tư là khẩu hòa vô tránh (lời lẽ hòa kính, không tranh cãi), thứ năm là ý hòa đồng duyệt (ý kiến hòa đồng, cùng vui vẻ chia sẻ quan điểm), thứ sáu là lợi hòa đồng quân (vui vẻ chia sẻ quyền lợi với nhau).

Tam Học là Giới - Định - Huệ, cho đến Lục Độ, Thập Nguyện, học đến mười nguyện Phổ Hiền chính là đấng phong tạo cực, tâm lượng rộng lớn, nguyện hạnh cũng rộng lớn vô biên. Chẳng hạn như nguyện thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”, hết thấy chúng sanh đều là Phật, chúng sanh đều có Phật tánh, đã có Phật tánh thì sớm muộn gì cũng đều có thể thành Phật. Vô tình chúng sanh cũng là Phật, thực vật hay khoáng vật đều có Phật tánh. Kinh Hoa Nghiêm chép: “*Tình và vô tình, cùng viên mãn chủng trí*”. Đối với hết thấy mọi người, hết thấy sự vụ đều phải tận tâm, tận lực, tận trách nhiệm.

Các bạn đồng học khi học Phật nhất định phải vận dụng Phật pháp vào sanh hoạt thường nhật. Ví như cái bàn là vật, phải lau chùi cho thật sạch, phải sắp cho ngay ngắn chỉnh tề, tức là mình cung kính nó. Với bất cứ sự việc nào chịu trách nhiệm đều nghiêm cẩn thực hiện, đó chính là lễ kính. Một bề chuyên niệm cầu sanh Tịnh Độ. Nương vào Phật làm cảnh, tâm nguyện, hạnh giải, mỗi mỗi đều giống như Phật mới là người thật sự niệm Phật. Tâm mong mỗi hiểu rõ các pháp, mọi hành vi tạo tác trong cuộc sống thường ngày luôn lấy Phật làm chuẩn, hành theo đúng như kinh Vô Lượng Thọ đã dạy đó là người thật sự niệm Phật.

Kinh Hoa Nghiêm, trong cuốn thứ năm, đức Phật hỏi các đệ tử lúc ban sơ phát tâm, đối với mười tám cảnh giới ai viên thông cảnh giới nào, từ phương tiện nào mà nhập tam-ma-địa, báo các đề đệ trả lời. Có tất cả hai mươi lăm vị Bồ Tát đáp lời, đem vô lượng vô biên pháp môn quy nạp thành hai mươi lăm loại lớn, mỗi một loại có một người làm đại biểu. Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu pháp môn Niệm Phật, Ngài thưa cùng đức Phật:

Chánh kính:

Phật vấn viên thông, ngã vô tuyền trạch, đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc tam-ma-địa, tư vi đệ nhất.

(Phật hỏi viên thông, con không chọn lựa. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất)

Hai mươi lăm môn Viên Thông, môn nào cũng là bậc nhất. Pháp môn trọn chẳng cao thấp, ví như người bệnh, mỗi người căn bệnh khác nhau, tự nhiên uống thuốc khác nhau, thuốc nào trị được chứng ấy thì là bậc nhất. Bất luận pháp môn nào, đối với sự tu học của chính mình vô cùng thích hợp, khế cơ, pháp môn ấy là bậc nhất. Viên Thông nghĩa là viên dung, Thông là thông đạt vô ngại, viên mãn thông đạt tức là đại triệt đại ngộ, chẳng luận là đã học hay chưa học đều có thể hiểu rõ, biết được quá khứ, vị lai, lại còn biết được cảnh giới của người khác. Bởi lẽ, tâm mình và tâm người khác chỉ là một, đạt đến mức độ ấy bèn gọi là đắc thần thông.

Thần thông có sáu thứ, một trong sáu thứ đó là Tha Tâm Thông, bởi lẽ tâm đã là một. Hiện tại, chúng ta chẳng biết tâm cảnh của người khác là vì có chướng ngại; ví như nước có sóng gợn, chẳng soi tỏ hình ảnh bên ngoài. Nếu cõi lòng bình tịnh, bản năng sẽ tự khôi phục, chứ chẳng phải là do tu hay học mà có, nếu bỗng tách quý vị chẳng có, có muốn làm thế cũng không được.

Vì sao ngài Đại Thế Chí nói “*không chọn lựa?*” Là vì Ngài ngoài chẳng chọn tướng sáu căn, trong chẳng chọn tánh của sáu căn. Tướng lục căn và tánh lục căn bao trùm tất cả hết thảy pháp môn, Ngài trọn không tuyền chọn, chỉ là “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. Mắt chẳng hướng ngoại vin nắm, cho đến ý chẳng vin theo pháp, chỉ nương vào một cái tâm tinh thuần, trong sáng, chẳng dùng đến lực dụng của sáu căn. Phần đầu là xả lìa tướng, chúng ta còn có thể làm được, phần sau là bỏ nơi tánh, chúng ta khó thể làm nổi.

“*Một niệm chẳng sanh*” là Tịnh, niệm mà vô niệm vậy. Muốn cầu tịnh niệm thành tựu thì “*nhiếp trọn sáu căn*” sẽ được viên mãn. Hai câu này hỗ trợ sau, thành lập nhau, có thể coi là nhân quả của nhau. Chỉ có một câu A Di Đà Phật, niệm lâu ngày đến nỗi câu A Di Đà Phật ấy cũng chẳng chấp trước, niệm không ngừng, chẳng còn hữu niệm lẫn vô niệm. Hữu niệm lẫn vô niệm đều không còn thì gọi là “vô niệm”, hữu niệm lẫn vô niệm đều chẳng chấp trước. Phạm phu chấp Hữu, Nhị Thừa chấp Không, Bồ Tát chẳng chấp trước cả hai, nên gọi là Trung Đạo. “*Nhất tâm hệ Phật*” (một lòng khăng khăng nơi Phật) gọi là “niệm”, thường thường nghĩ đến lời dạy dỗ, phương pháp, lý luận, cảnh giới của Phật, giữ mãi trong tâm, chẳng nghĩ đến điều gì khác, gọi là “*nhất tâm hệ Phật*”.

Tiếng Phạn Tam Ma Địa, Hán dịch là Đẳng Trì. Phạm phu có nhân ngã, thị phi, cao thấp. Ly khai hết thấy phân biệt, chấp trước chính là bình đẳng, tâm ta bình đẳng chính là giống với chư Phật, Bồ Tát bình đẳng, dùng tâm thanh tịnh bình đẳng có thể soi rõ vạn pháp, đây chính là trí huệ chân thật. Tâm bình đẳng còn gọi là thiên định, cũng giống như kinh Vô Lượng Thọ bảo là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Nói trên mặt Sự thì gọi là Niệm Phật Tam Muội, nói trên mặt Lý thì gọi là Tự Tánh Phật.

Ngẫu Ích đại sư nói: *“Pháp môn niệm Phật, trọn chẳng có gì là lạ lùng, đặc biệt cả, chỉ có tin tưởng sâu xa, tận lực hành trì là cốt yếu mà thôi”*. Phật dạy: *“Nhuộc nhân đản niệm Di Đà Phật, thị danh vô thượng thâm diệu thiên”* (Nếu ai chỉ niệm đức Phật A Di Đà, đó gọi môn thiên định sâu xa, mầu nhiệm vô thượng). Câu này lấy từ kinh Đại Tập. Niệm Phật với tham thiên, xét về thành tựu chẳng hai, chẳng khác. Ngài Thiên Thai nói: *“Bốn thứ tam-muội cùng có tên là Niệm Phật, nhưng Niệm Phật Tam Muội là vua trong các tam-muội”*, [những câu nói như thế] đều là khen ngợi niệm Phật.

Liên Trì đại sư nói: *“Một câu Di Đà bao trùm tám giáo, thấu trọn năm tông, cốt sao tin tới nơi, giữ cho ổn, thẳng thừng mà niệm, thế chẳng biến đổi, sẽ quyết định được vãng sanh. Một khi được vãng sanh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, các thứ pháp môn đều được hiện tiền”*. Đại sư Liên Trì sống trong khoảng niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, thoát đầu học Giáo, sau đó tham Thiên, căn cơ Nho Gia lẫn Đạo Gia đều thâm hậu, tuổi già chuyên tâm niệm Phật, là tổ sư thứ tám của Tịnh tông. Liên Trì đại sư nói: *“Có thể thật sự niệm Phật, buông thân tâm, thế giới xuống, chính là đại bố thí. Chẳng khởi tham, sân, si nữa chính là đại trì giới. Chẳng kể thị phi nhân ngã, chính là đại nhẫn nhục. Chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp chính là đại tinh tấn. Chẳng còn vọng tưởng rong ruổi chính là đại thiên định. Chẳng bị những ngã rẽ khác làm làm lạc chính là đại trí huệ”*.

Luận đến Bố Thí thì Bố Thí rất trọng yếu đối với việc tu hành. Tôi nghĩ nhân duyên học Phật của chính mình thật là tốt đẹp, toàn gặp gỡ những bậc giỏi giang. Tôi học Phật năm hai mươi sáu tuổi, trước tiên theo học với thầy Phương Đông Mỹ, khi đã tiếp xúc với kinh điển bèn bái phỏng Chương Gia đại sư đề thỉnh giáo. Lần gặp Ngài đầu tiên, tôi chẳng biết lễ mạo ra sao, vừa chạm mặt bèn hỏi ngay: *“Đại Thừa Phật pháp rất hay, có phương pháp nào hay ho để tôi mau chóng tấn nhập chăng?”* Ngài nhìn tôi, không nói một câu. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn trả. Nhìn tôi độ chừng nửa tiếng, Ngài buông một chữ: *“Có”*. Nói xong, không nói thêm gì nữa.

Ước chừng năm phút sau, Ngài lại nói: *“Thấy rộng toang, buông xuống”*. Toàn thể thân hình, thái độ của Ngài đang ở trong Định. Tôi lại hỏi: *“Bắt đầu từ đâu để thực hiện?”* Lại đợi thật lâu sau, Ngài mới buông hai chữ *“bố thí”*.

Ngày đầu tiên gặp mặt, bấy nhiêu thời gian chỉ nói có mấy câu. Sau cùng từ biệt, Ngài đưa ra tận cửa, Ngài nói: “*Hôm nay tôi nói cho ông sáu chữ, hy vọng ông thực hiện trong sáu năm cho tốt*”. Về sau, thật sự tôi làm theo đúng lời Ngài nói. Trong Lục Độ của Bồ Tát, Bồ Thí đứng đầu. Gì cũng buông xuống hết, Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, chỉ có mỗi việc “Bồ Thí” mà thôi.

Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương lược giảng hết

(Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 07 tháng 08 năm 2004)

(1) Lục phạm: chỉ sáu cõi phạm trong mười pháp giới, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người, trời.

(2) Tứ thánh: bốn bậc thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. Hiểu theo nghĩa hẹp là bốn quả vị Thanh Văn: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán.

(3) Ở đây Hòa Thượng mượn thuật ngữ “truy tâm long mạch” của thuật Địa Lý Phong Thủy để diễn tả ý: nắm chắc, truy tìm tận gốc, biết rành rẽ mọi hiện tượng, thấy được bản thể, hiểu thấu mọi hiện tượng lưu xuất từ bản thể.

(4) Tứ Gia Hạnh: tức là Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp, Thế Đệ Nhất pháp (theo từ điển Phật học của Đoàn Trung Còn).

(5) Thất tình: bảy thứ tình cảm của con người: Hỷ (mừng), nộ (giận), ai (đau buồn), cụ (sợ), ái (yêu thích), ó (ghét), dục (muốn). Cũng có sách giảng là hỷ, nộ, ưu (lo lắng), tư (nghĩ ngợi), bi (thương xót), khủng (sợ sệt), kinh (hoảng hốt, sợ hãi).

(6) Tam Không: Ngã không (còn gọi là Nhân Không), Pháp Không, và Câu Không (ngã và pháp đều không). Duy Thức học còn lập ra ba thứ không khác, đó là: vô tánh không, dị tánh không và tự tánh không. Luận Hiển Dương Thánh Giáo lại đề xướng ba thứ không khác: vô thể không, viển ly không và trừ khiển không. Thông thường, khi nói đến tam không, ta thường hiểu theo cách định nghĩa đầu tiên.

(7) Tam luân không tịch (còn gọi là tam luân thể không), tức là “thí không” (người thí thấy thân mình vốn là không, đã biết là vô ngã nên không có tâm mong cầu phước báo), “thọ không” (không thấy có người nhận của bồ thí, nên không khởi tâm kiêu mạn), và “thí vật không” (thể nhận bản chất các pháp là không, nên vật được dùng để bồ thí cũng là không, không khởi tâm tham). Bồ thí tam luân không tịch chính là nội dung của Bồ Thí Ba-la-mật.

(8) Tướng Phần: thuật ngữ Duy Thức học chỉ ảnh tượng do các sự vật hữu vi và vô vi từ thế giới bên ngoài ảnh hiện vào tâm.

(9) Hưng cừ: Có người cho hưng cừ chính là củ nén bên ta, củ nhỏ có mùi hăng như tỏi, nhưng có sách lại bảo hưng cừ không phải là nén. Ngài Tịnh Không lại ghi chú là hành tây.

(10) Chức vụ Hồng Y Giáo Chủ (cardinal) bên Công Giáo, Tàu gọi là Chủ Giáo.

HẾT